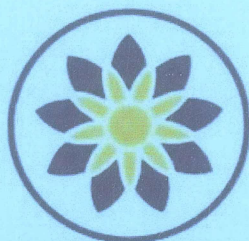


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM



INTRACOM
UNIVERSITY
UNLOCKING POTENTIAL

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH

Ngôn ngữ Anh

Mã ngành: 7220201

Trình độ: Đại học

Hưng Yên, 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM



INTRACOM
UNIVERSITY
UNLOCKING POTENTIAL

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH

Ngôn ngữ Anh

Mã ngành: 7220201

Trình độ: Đại học

Hung Yên, 2026

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo

CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Intracom(Intracom) được nghiên cứu, thiết kế và xây dựng dựa trên sự tổng hòa của các cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học - giáo dục và cơ sở thực tiễn, cụ thể như sau:

A. Cơ sở pháp lý và Tiêu chuẩn chất lượng

- Tuân thủ Khung trình độ Quốc gia: CTĐT được thiết kế đáp ứng chuẩn đầu ra bậc 6 (Trình độ Đại học) theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (VQF), bảo đảm sự tương thích về khối lượng học tập (tín chỉ) và năng lực cốt lõi (Kiến thức, Kỹ năng, Tự chủ và chịu trách nhiệm).
- Tuân thủ tiêu chuẩn kiểm định: Cấu trúc chương trình, ma trận chuẩn đầu ra và các phương pháp đánh giá được thiết kế bám sát các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học mới nhất, đặc biệt là Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT về chuẩn CTĐT và Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT về kiểm định chất lượng CTĐT.

B. Cơ sở triết lý giáo dục và Phương pháp luận thiết kế

- Tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education - OBE): Chương trình lấy người học làm trung tâm. Mọi thành tố của CTĐT từ Mục tiêu giáo dục (PEOs), Chuẩn đầu ra chương trình (PLOs), Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) đến nội dung giảng dạy đều được thiết kế ngược (Backward Design) bám sát yêu cầu của thị trường lao động.
- Sự tương thích kiến tạo (Constructive Alignment): Chương trình bảo đảm sự gắn kết logic và chặt chẽ giữa Chuẩn đầu ra (LOs) – Phương pháp giảng dạy và học tập (TLAs) – Phương pháp kiểm tra đánh giá (ATs). Quá trình phân nhiệm chuẩn đầu ra được kiểm soát gắn gao thông qua Ma trận I-P-M (Introduce - Practice - Master).

- Thang nhận thức Bloom: Cấu trúc phân tầng năng lực và hệ thống động từ sử dụng trong thiết kế CLOs, PLOs được chuẩn hóa theo Thang đo nhận thức Bloom (Bloom's Taxonomy), bảo đảm tính đo lường được và đánh giá khách quan thông qua hệ thống Rubric.

C. Cơ sở thực tiễn và Nhu cầu xã hội

- Bối cảnh thời đại toàn cầu hóa: Tiếng Anh được xác định là ngôn ngữ giao tế quốc tế cốt lõi. Sự thiếu hụt nguồn nhân lực sử dụng thành thạo tiếng Anh ở chuẩn C1 có năng lực chuyên môn nghiệp vụ sâu sắc (Thương mại, Du lịch, Y tế) là cơ sở để Đại học Intracom phát triển chương trình này.
- Xu hướng ứng dụng công nghệ: Chương trình tích hợp mạnh mẽ khối kiến thức về Chuyển đổi số, Trí tuệ nhân tạo (AI), Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở. Đây là những yêu cầu mang tính sống còn đối với nhân lực ngành ngôn ngữ trong kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp 4.0.

D. Cơ sở định hướng chiến lược của Đại học Intracom

CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng nhất quán với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường Đại học Intracom trong việc đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng cao, trang bị nền tảng ngoại ngữ vững chắc (Ngoại ngữ 2 bậc 3) và tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thích ứng nhanh với sự thay đổi của môi trường làm việc.

1.2 Thông tin chung

Thông tin	Nội dung
Tên chương trình đào tạo	Ngôn ngữ Anh
Mã chương trình đào tạo	7220201
Trình độ đào tạo	Đại học
Tổng số tín chỉ	128
Loại hình đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Tên bằng cấp	Cử nhân
Ngôn ngữ chương trình đào tạo	Tiếng Anh – Tiếng Việt
Khoa/Viện quản lý	Khoa Ngoại ngữ

Khóa áp dụng	2026
--------------	------

1.3 Mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs)

1.3.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; sử dụng thành thạo tiếng Anh ở bậc 5 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); vận dụng tốt kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hóa các nước nói tiếng Anh và các kỹ năng nghề nghiệp để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực biên - phiên dịch, quản trị văn phòng, đối ngoại, và có khả năng học tập suốt đời.

1.3.2 Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể:

- **PEO1:** Sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương Bậc 5) và kiến thức ngôn ngữ, văn hóa để thực hiện hiệu quả nghiệp vụ biên phiên dịch cũng như các chuyên ngành ứng dụng (thương mại, du lịch, y tế, pháp lý).
- **PEO2:** Vận dụng tư duy phản biện, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ năng làm việc nhóm để giải quyết vấn đề, thích ứng linh hoạt và phát triển sự nghiệp trong môi trường làm việc đa văn hóa và kỷ nguyên số.
- **PEO3:** Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thể hiện bản lĩnh chính trị, trách nhiệm xã hội và chủ động phát triển lộ trình học tập suốt đời nhằm đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

1.4 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể:

a) Kiến thức

- **PLO1:** Vận dụng hệ thống tri thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và phương pháp nghiên cứu khoa học vào công việc và đời sống.
 - **PPC K1.1:** Vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào nhận thức và thực tiễn xã hội.

- **PPC K1.2:** Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản để giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực khoa học xã hội hoặc ngôn ngữ từ bước lập đề cương đến bước triển khai.
- **PLO2:** Phân tích các hiện tượng ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và các đặc trưng văn hóa, xã hội của các nước nói tiếng Anh trong bối cảnh giao tiếp liên văn hóa.
 - **PPC K2.1:** Phân tích cấu trúc, quy luật hoạt động của ngôn ngữ Anh ở các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trên cơ sở đối chiếu với tiếng Việt.
 - **PPC K2.2:** Giải thích các đặc trưng văn hóa, văn học và xã hội của Anh - Mỹ thông qua việc so sánh với bối cảnh Việt Nam để ứng dụng vào dịch thuật và giao tiếp.
- **PLO3:** Vận dụng các nguyên lý biên phiên dịch và lý thuyết chuyên ngành phụ trợ để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
 - **PPC K3.1:** Ứng dụng các lý thuyết, quy trình và kỹ thuật cơ bản vào thực tiễn hoạt động biên dịch và phiên dịch.
 - **PPC K3.2:** Phân tích các đặc điểm ngôn ngữ và thuật ngữ thuộc các lĩnh vực chuyên ngành hẹp (thương mại, du lịch, y tế, tài chính, pháp lý...) nhằm phục vụ công tác chuyên môn.

b) Kỹ năng

- **PLO4:** Sử dụng tiếng Anh đạt bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương C1) trong giao tiếp và chuyên môn.
 - **PPC S1.1:** Diễn giải chính xác nội dung các văn bản học thuật và văn bản chuyên ngành phức tạp thông qua kỹ năng tiếp nhận (nghe và đọc) ở tốc độ tự nhiên.
 - **PPC S1.2:** Trình bày thông tin một cách lưu loát, chặt chẽ và chính xác bằng hình thức nói và viết trong các tình huống giao tiếp xã hội và công việc.

- **PLO5:** Thực hành các nghiệp vụ biên phiên dịch Anh Việt/Việt Anh và các kỹ năng nghề nghiệp hỗ trợ phù hợp với môi trường làm việc thực tế.

- **PPC S2.1:** Thực hiện quy trình biên dịch và phiên dịch các văn bản, lời nói thuộc nhiều chủ đề thông dụng và chuyên môn với độ chính xác cao.

- **PPC S2.2:** Áp dụng các kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành (tương ứng với mô-đun Thương mại, Du lịch, Y tế...) vào việc giải quyết các nhiệm vụ thực tế tại doanh nghiệp.

- **PLO6:** Vận dụng ngoại ngữ hai (đạt tối thiểu bậc 3) và công nghệ thông tin cơ bản trong môi trường giao tiếp và công việc thực tế.

- **PPC S3.1:** Sử dụng ngoại ngữ 2 (Trung/Nhật/Hàn) trong các tình huống giao tiếp thường nhật ở mức độ tương đương bậc 3 (B1).

- **PPC S3.2:** Ứng dụng các phần mềm tin học văn phòng và công cụ kỹ thuật số vào quy trình xử lý văn bản, tìm kiếm và quản lý thông tin.

- **PLO7:** Tổ chức các hoạt động tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.

- **PPC S4.1:** Đánh giá thông tin đa chiều nhằm xây dựng lập luận logic trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh của công việc và nghiên cứu.

- **PPC S4.2:** Thiết lập quy trình làm việc độc lập và phối hợp nhóm hiệu quả với các bên liên quan.

c) Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

- **PLO8:** Tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật nhằm đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

- **PPC A1.1:** Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (đặc biệt tính liêm chính trong dịch thuật), nội quy tổ chức và quy định pháp luật gắn với trách nhiệm cộng đồng.

- **PPC A1.2:** Xác định được các tình huống vi phạm đạo đức nghề nghiệp (xung đột lợi ích, thiên lệch, tiết lộ thông tin, đạo văn) trong học tập/thực tập theo quy trình.

- **PLO9:** Lập kế hoạch tự đánh giá năng lực, quản lý thời gian và tự định hướng học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc.

- **PPC A2.1:** Thiết lập kế hoạch quản lý thời gian và nguồn lực dựa trên kết quả tự đánh giá năng lực bản thân nhằm cải tiến cách làm việc, học tập và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc.
- **PPC A2.2:** Ứng dụng các kiến thức và công nghệ mới nhằm đổi mới sáng tạo và thích ứng nhanh với môi trường làm việc đa văn hóa.

1.5 Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT

CĐR (PLOs)	PEO1	PEO2	PEO3
PLO1	x	x	
PLO2	x		
PLO3	x		
PLO4	x		
PLO5	x		
PLO6		x	
PLO7		x	
PLO8			x
PLO9		x	x

1.6 Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

1.6.1 Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp chương trình Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, sinh viên có thể đảm nhận các vị trí công việc đa dạng tại nhiều loại hình tổ chức, doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Nhóm vị trí dịch thuật và biên tập: Biên dịch viên, phiên dịch viên tự do hoặc làm việc tại các tổ chức ngoại giao, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở y khoa, cơ quan nhà nước; Biên tập viên tại các nhà xuất bản, cơ quan thông tấn báo chí song ngữ.

- Nhóm vị trí hành chính, đối ngoại và trợ lý văn phòng: Thư ký văn phòng, trợ lý đối ngoại, nhân viên phòng nhân sự, nhân viên quản lý dự án cho các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp liên doanh đa quốc gia phụ trách mảng giao tiếp đối ngoại bằng tiếng Anh.
- Nhóm vị trí lễ hành, dịch vụ nhà hàng và khách sạn: Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, nhân viên điều hành tour, tiếp tân khách sạn, trợ lý kinh doanh và truyền thông tiếp thị tại các đại lý du lịch quốc tế.
- Nhóm vị trí giảng dạy và nghiên cứu: Giảng viên, giáo viên tiếng Anh (sau khi hoàn thành chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ và trường quốc tế; Nghiên cứu viên ngôn ngữ học.

1.6.2 Cơ hội học tập, nâng cao trình độ

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Intracom, người học được trang bị nền tảng kiến thức và kỹ năng vững chắc để tiếp tục phát triển học thuật và nghề nghiệp, cụ thể:

- Học tập ở trình độ cao hơn: Cử nhân đủ điều kiện để tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ học ứng dụng, Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh (TESOL), Quốc tế học hoặc chuyển nhánh sang khối ngành Quản trị, Du lịch, Quản lý tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.
- Chứng chỉ nghề nghiệp chuyên sâu: Người học có nền tảng để thi lấy các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế (CELTA, TEFL, TESOL cho giảng dạy), chứng chỉ phiên dịch y tế lâm sàng chuyên nghiệp, hướng dẫn viên du lịch quốc tế, biên dịch viên công chứng nhà nước.
- Năng lực học tập suốt đời: Tích lũy khả năng tự nghiên cứu, làm chủ công nghệ dịch thuật mới (CAT tools, công cụ AI tạo sinh), thích ứng linh hoạt và liên tục phát triển sự nghiệp trong môi trường đa văn hóa.

1.7 Các tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.7.1 Các tiêu chí tuyển sinh

Tuyển sinh theo đề án tuyển sinh của Nhà trường, hiện nay dựa trên các phương thức xét tuyển như sau:

- Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên tuyển thẳng theo quy định pháp luật và đề án tuyển sinh hàng năm của trường Đại học Intracom.
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia theo các tổ hợp môn tương ứng.
- Phương thức 3: Xét học bạ trung học phổ thông lớp 12 dựa trên kết quả điểm trung bình học tập.
- Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp thi tuyển hoặc xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá tư duy/đánh giá năng lực của các đại học lớn.

1.7.2 Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh yêu cầu người học tích lũy tổng cộng 128 tín chỉ. Tiến trình đào tạo bắt đầu từ khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và ngoại ngữ hai bao gồm tiếng Trung, tiếng Nhật hoặc tiếng Hàn. Ở giai đoạn tiếp theo, sinh viên được rèn luyện chuyên sâu kỹ năng, kiến thức Ngôn ngữ Anh. Khối kiến thức chuyên ngành tập trung vào ngôn ngữ học, văn học, kỹ năng biên phiên dịch và các học phần tự chọn định hướng nghề nghiệp như tiếng Anh thương mại, du lịch, y tế hoặc pháp lý. Quá trình giảng dạy kết hợp nhiều phương pháp như thuyết giảng, thực hành kỹ năng, đóng vai và học tập qua dự án. Sinh viên được đánh giá qua thực hành, thuyết trình và thi cuối kỳ. Cuối khóa, sinh viên hoàn thành thực tập và chọn làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

1.7.3 Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của Trường Đại học Intracom theo đúng ngành cấp bằng Ngôn ngữ Anh;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh (loại trừ các học phần không tích lũy);
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4);
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học (Sử dụng thành thạo tiếng Anh đạt Bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (C1); ngoại ngữ 2 đạt tối thiểu Bậc 3/6 (B1); sử dụng thành thạo tin học văn phòng theo chuẩn CNTT cơ bản);
- Hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và các quy định học vụ hành chính của nhà trường.

1.8 Chiến lược giảng dạy - học tập

Giảng viên chuẩn bị chiến lược và phương pháp dạy học phù hợp theo từng nội dung, từng học phần và từng đối tượng người học. Giảng viên có thể lựa chọn, kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học.

Chiến lược dạy học trực tiếp

1. Phương pháp Thuyết giảng tương tác (Interactive Lecturing): Giảng viên thuyết trình hệ thống hóa kiến thức lý thuyết nền tảng (ngôn ngữ học lý thuyết, chính trị, triết học, văn hóa lịch sử), giải thích hệ thống thuật ngữ chuyên ngành khó kết hợp câu hỏi gợi mở nhanh nhằm định hướng tư duy học thuật cho sinh viên.

2. Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ (Reflective Practice & Feedback): Giảng viên áp dụng quy trình viết nháp nhiều lần (drafting), phản hồi đồng đẳng (peer-feedback) và phản tư cá nhân. Sinh viên tự đối chiếu sản phẩm viết, bài nói hoặc bản dịch của mình với tiêu chuẩn học thuật để tự sửa lỗi và cải tiến năng lực ngôn ngữ một cách bền vững.

3. Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh (Skill Practice & Repetitive Drills): Tập trung huấn luyện các phản xạ phát âm chuẩn xác, rèn luyện

cấu trúc ngữ pháp mẫu và tăng cường nhận diện âm thanh qua các bài tập nghe lặp lại cường độ cao. Áp dụng đối với các học phần rèn luyện kỹ năng cơ bản và các ngôn ngữ thứ hai (ngoại ngữ 2).

Chiến lược dạy học trải nghiệm

4. Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching - TBLT): Giảng viên giao các nhiệm vụ thực tiễn thực tế (tasks) đòi hỏi sinh viên sử dụng tiếng Anh để giải quyết (ví dụ: viết thư tín thương mại, thiết kế tour du lịch, chuẩn bị hồ sơ bệnh án). Sinh viên tự thiết kế quy trình thực hiện, kích thích việc tiếp nhận và sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và có mục đích rõ ràng.

5. Phương pháp học tập dựa trên dự án (Project-Based Learning - PBL): Giảng viên tổ chức cho sinh viên thực hiện các dự án nhóm dài hạn (kéo dài từ 3-8 tuần) liên quan đến chuyên ngành như: thực hiện một đề án dịch thuật thực tế, nghiên cứu và biên tập tài liệu du lịch/y sinh học thuật, lập đề cương nghiên cứu khoa học. Phương pháp này rèn luyện tính độc lập, kỹ năng phối hợp nhóm và tư duy giải quyết vấn đề thực tế.

6. Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp (Role-play & Simulation): Sinh viên hóa thân vào các vai trò nghề nghiệp thực tế như phiên dịch viên cabin, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên đối ngoại, biên dịch và điều phối viên y tế trong các bối cảnh giả định để rèn luyện phản xạ ngôn ngữ và cách xử lý sự cố thực địa chuyên nghiệp.

Chiến lược dạy học tương tác

7. Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh (Communicative Language Teaching - CLT): Giảng viên thiết lập môi trường giao tiếp giả định hoàn toàn bằng tiếng Anh (hoặc ngoại ngữ 2 tương ứng), tối đa hóa thời gian tương tác thực tế của sinh viên qua các hoạt động nói, tranh luận, thuyết trình. Trọng tâm hướng vào phát triển sự trôi chảy, phản xạ nhanh và sự tự tin khi sử dụng ngôn ngữ trong đời sống và học thuật chuyên nghiệp.

8. Phương pháp Thảo luận nhóm (Group Discussion): Tổ chức cho sinh viên thảo luận nhóm chuyên sâu về các chủ đề văn hóa học, tiến trình lịch sử, các tác

phẩm văn học Anh - Mỹ tiêu biểu hoặc các tình huống giao tiếp đa văn hóa thực tế. Giúp phát huy tư duy phản biện độc lập, cách lập luận và giải quyết khủng hoảng ngôn ngữ.

9. Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu (Guided Self-Study): Yêu cầu sinh viên chủ động đọc tài liệu học tập, giáo trình, văn bản nghiên cứu được giảng viên cung cấp trước giờ lên lớp. Phương pháp này đóng vai trò nền tảng bắt buộc để triển khai mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom) hiệu quả.

10. Phương pháp thực hành dịch thuật và Hiệu đính (Translation & Editing Practice): Tổ chức rèn luyện quy trình biên dịch chuyên nghiệp: từ phân tích ngữ cảnh, tra cứu thuật ngữ, biên dịch nháp đến hiệu đính sản phẩm (editing). Sinh viên sử dụng các công cụ dịch thuật kỹ thuật số để tối ưu hóa thuật ngữ và nâng cao chất lượng bản dịch.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa chiến lược giảng dạy với chuẩn đầu ra CTĐT

S T T	Chiến lược giảng dạy	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9
Chiến lược dạy học trực tiếp										
1	Phương pháp Thuyết giảng tương tác (Interactive Lecturing)	X	X	X					X	
2	Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ (Reflective Practice & Feedback)		X	X	X	X		X		X
3	Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh (Skill Practice & Repetitive Drills)				X	X	X			
Chiến lược dạy học trải nghiệm										
4	Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching - TBLT)			X	X	X	X	X		
5	Phương pháp học tập dựa trên dự án (Project-Based Learning - PBL)	X	X	X		X	X	X		X
6	Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp (Role-play & Simulation)			X	X	X	X	X	X	
Chiến lược dạy học tương tác										

7	Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh (Communicative Language Teaching - CLT)		X		X	X	X	X		
8	Phương pháp Thảo luận nhóm (Group Discussion)	X	X					X	X	X
9	Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu (Guided Self-Study)	X	X	X	X	X	X	X		X
10	Phương pháp thực hành dịch thuật và Hiệu đính (Translation & Editing Practice)		X	X	X	X	X	X		

1.9 Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm

1.9.1 Các phương pháp đánh giá

1. Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức (Attendance & Conduct Assessment): Đánh giá định kỳ tính chuyên cần, kỷ luật lên lớp và ý thức tự giác chấp hành nội quy học tập của sinh viên.

2. Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ (Homework & Exercise Assessment): Đánh giá tiến độ tự học thông qua việc hoàn thành các bài tập tuần, nhật ký dịch thuật cá nhân và bài tập thực hành kỹ năng ngôn ngữ.

3. Đánh giá thuyết trình nhóm (Group Presentation Assessment): Đánh giá năng lực làm việc nhóm thông qua báo cáo thuyết trình chuyên đề bằng slide trực quan và phần Q&A giải quyết tình huống trước lớp.

4. Đánh giá vai trò của cá nhân trong nhóm (Individual Contribution within Group Assessment): Đánh giá chéo tinh thần trách nhiệm, thái độ hợp tác và khối lượng/chất lượng sản phẩm đóng góp thực tế của từng cá nhân trong dự án nhóm.

5. Đánh giá thuyết trình trước hội đồng khoa học (Thesis Defence Assessment): Hội đồng khoa học đánh giá toàn diện kỹ năng thuyết trình, năng lực nghiên cứu độc lập và khả năng phản biện bảo vệ luận điểm khoa học đối với Khóa luận tốt nghiệp.

6. Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án (Project, Report & Thesis Assessment): Đánh giá dựa trên sản phẩm nộp cuối kỳ (Quyển tiểu luận nghiên cứu, Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Đồ án thay thế tốt nghiệp lý hành/dịch thuật, Portfolio biên dịch học thuật).

7. Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết (Written Essay/Multiple Choice Exam):

Hình thức đánh giá viết cuối kỳ thông qua trả lời câu hỏi tự luận, bài luận học thuật (essay), biên dịch viết, hoặc thi trắc nghiệm khách quan trên giấy/máy tính.

8. Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ (Practical & Oral Exam):

Hình thức đánh giá kỹ năng thực hành ngôn ngữ trực tiếp (Nghe - Nói - Đọc), hội thoại phỏng vấn vấn đáp, thực hiện phiên dịch trực tiếp bối cảnh giả định xử hành/y tế lâm sàng.

9. Đánh giá thực tập của doanh nghiệp:

Đánh giá năng lực thực hành thực tế, tác phong làm việc chuyên nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật và chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên do người hướng dẫn trực tiếp tại cơ sở/doanh nghiệp tiếp nhận thực tập chấm điểm.

1.9.2 Hệ thống tính điểm

Thang điểm: thang điểm 10 và quy đổi theo hệ A, B, C, D, F

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Bảng quy đổi điểm:

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 – 10,0	A+	4
	8,5 – 8,9	A	3,7
	8,0 – 8,4	B+	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C+	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5
	4,0 – 4,9	D	1
Không đạt	0,0 - 3,9	F	0

Công thức tính điểm học phần:

Điểm học phần (Z) bao gồm các thành phần:

+ Điểm chuyên cần (X): đi học đầy đủ, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài tập đầy đủ, tham gia bài tập nhóm.

+ Điểm tham gia giữa kỳ (Y1)

+ Điểm thi hết môn học (Y2)

Công thức: $Z = 0,1 \cdot X + 0,3 \cdot Y1 + 0,6 \cdot Y2$

Ghi chú về các điểm thành phần:

+ Điểm tham gia giữa kỳ: Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

+ Điểm thi hết môn: sinh viên tham gia hình thức thi cuối kỳ trực tiếp tại trường thông qua bài viết và vấn đáp, hoặc làm tiểu luận môn học.

1.9.3 Mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra

Bảng 3. Mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra CTĐT

S T T	Phương pháp đánh giá	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9
1	Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức (Attendance & Conduct Assessment)								X	X
2	Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ (Homework & Exercise Assessment)	X	X	X	X			X		
3	Đánh giá thuyết trình nhóm (Group Presentation Assessment)		X		X	X		X	X	X
4	Đánh giá vai trò của cá nhân trong nhóm (Individual Contribution within Group Assessment)	X	X	X	X	X		X		
5	Đánh giá thuyết trình trước hội đồng khoa học (Thesis Defence Assessment)				X	X	X			
6	Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo	X	X	X						

	và Đồ án (Project, Report & Thesis Assessment)									
7	Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết (Written Essay/Multiple Choice Exam)	X	X	X	X				X	
8	Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ (Practical & Oral Exam)				X	X	X			X
9	Đánh giá thực tập của doanh nghiệp					X	X	X	X	X

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1 Tóm tắt cấu trúc chương trình giảng dạy

- Kiến thức toàn khóa học: 128 tín chỉ (chưa bao gồm giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)
- Các khối kiến thức trong chương trình đào tạo được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Các khối kiến thức và tín chỉ

T T	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tổng	Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành
		Bắt buộc	Tự chọn			
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			31	334	382
2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			63	660	540
3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			24	180	210
4	TỐT NGHIỆP			10	0	200
	Tổng cộng			128	1174	1332
	Tỷ lệ giờ lý thuyết / thực hành	0.88				

Các khối kiến thức được thiết kế đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Ma trận kết nối giữa các khối kiến thức với chuẩn đầu ra

Khối kiến thức	Tỷ lệ (%)	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9
KT giáo dục đại cương	8.5%	X	X						X	
KT khoa học cơ bản	9.3%	X					X	X		X

KT cơ sở ngành	6.2%		X				X			
KT ngành / chuyên ngành / cốt lõi	68.2%		X	X	X	X		X	X	
KT thực tập / trải nghiệm	2.3%	X		X	X	X	X	X	X	X
Khối tốt nghiệp	5.4%		X	X	X	X	X	X	X	X

2.2 Danh sách các học phần

Bảng 6. Danh sách các học phần thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Số gi ờ L T	Số giờ TH	Số giờ tự học	Học phần tiền quyết (Mã HP)	PP giảng dạy	PP đánh giá
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (31 tín chỉ: 27 tín chỉ bắt buộc, 4 tín chỉ tự chọn)									
	Học phần bắt buộc		27						
1	10500001	Triết học Mác - Lênin	3	31	28	91		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
2	10500002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	18	61	1050001	* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
3	10500003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	61	1050002	* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ:

								* Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	- Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
4	10500005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	61	1050003	* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
5	10500004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18	61	1050005	* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
6	10300001	Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo	2	18	24	58		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập qua phần mềm và Công cụ dịch thuật kỹ thuật số	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
7	10100002	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham	2	21	18	61		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý

		những						nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
8	10500006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	21	18	61		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp học tập dựa trên dự án * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Học qua trải nghiệm và Thực tế nghề nghiệp - Luyện tập qua phần mềm và Công cụ dịch thuật kỹ thuật số	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án
9	10200001	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	18	24	58		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp học tập dựa trên dự án * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Học qua trải nghiệm và Thực tế nghề nghiệp	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án
10	10100001	Pháp luật đại cương	2	21	18	61		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp thuyết giảng - Phương pháp học qua tình huống - Tự học và nghiên cứu	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá chuyên cần và ý thức kỷ luật - Đánh giá bài tập và tự học

								tài liệu - Học tập phản biện - Thảo luận và làm việc nhóm * Phương pháp học tập: - Tự học và nghiên cứu tài liệu - Học tập phản biện - Học qua nghiên cứu tình huống	* Đánh giá cuối kỳ: - Thi / Kiểm tra Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, chuyên đề/tiểu luận
11	10407001	Tiếng Trung 1	3	30	30	90		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh * Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
12	10407002	Tiếng Trung 2	3	15	30	55		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh * Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
	Học phần tự chọn		4						
13	10500008	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số	2	15	30	55		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Thảo luận	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý

								nhóm - Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp * Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	thức * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
14	10300002	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2	15	30	55		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập qua phần mềm và Công cụ dịch thuật kỹ thuật số	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
15	10500007	Nhập môn phát triển bền vững	2	15	30	55		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
16	10500009	Xác suất thống kê	2	18	24	58		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp thuyết giảng - Phương pháp giải quyết vấn đề - Phương pháp thực hành kỹ năng - Tự học và nghiên cứu tài liệu - Thảo luận và làm việc nhóm * Phương pháp học tập: - Tự học và nghiên cứu tài liệu - Học tập giải quyết vấn đề	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá chuyên cần và ý thức kỷ luật - Đánh giá bài tập và tự học - Đánh giá thực hành tính toán và phần mềm * Đánh giá cuối kỳ: - Thi / Kiểm tra trắc nghiệm, tự luận

								- Luyện tập và thực hành qua phần mềm	
KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (62 tín chỉ: 62 tín chỉ bắt buộc, 0 tín chỉ tự chọn)									
	Học phần chung bắt buộc		62						
17	10406101	Tiếng Việt thực hành	2	30	0	70		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
18	10712102	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45	0	70		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
19	10406102	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	0	70		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
20	10406103	Giao tiếp đa văn hóa	2	30	0	70		* Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác	* Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình

								- Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu * Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ * Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
21	10406104	Nghe 1	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh *Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
22	10406105	Nói 1	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh *Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ

								ngữ	
23	10406106	Đọc 1	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu *Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
24	10406107	Viết 1	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ *Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
25	10406108	Kỹ năng tiếng tổng hợp	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ *Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
26	10406109	Nghe 2	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình

								giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh *Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
27	10406110	Nói 2	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh *Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
28	10406111	Đọc 2	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu *Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết

								- Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	
29	10406112	Viết 2	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ *Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
30	10406113	Nghe 3	3	30	30	90		*Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh *Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	*Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ *Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
31	10406114	Nói 3	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và

								nghề nghiệp - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	Vấn đáp ngôn ngữ
32	10406115	Đọc 3	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
33	10406116	Viết 3	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
34	10406117	Nghe 4	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình

							giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
35	10406118	Nói 4	3	30	30	90	Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
36	10406119	Đọc 4	3	30	30	90	Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ

								tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	
37	10406120	Viết 4	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
38	10406329	Kỹ năng thuyết trình	3	15	45	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
III	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (24 tín chỉ: 21 tín chỉ bắt buộc, 3 tín chỉ tự chọn)								
	1. Học phần chung bắt buộc: 21 tín chỉ								
39	10406301	Ngữ âm - Âm vị học	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Tự tìm	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức

								hiểu tài liệu - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	- Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
40	10406302	Từ vựng	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp rèn luyện kỹ năng và Phản xạ âm thanh Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
41	10406303	Ngữ pháp	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Luyện tập phản xạ và Thực hành kỹ năng ngôn ngữ	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết

42	10406304	Nhập môn Biên - Phiên dịch	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp thực hành dịch thuật và Hiệu đính Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
1.1 Học phần bắt buộc chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Anh : 9 tín chỉ									
43	10406305	Văn học Anh – Mỹ	3	45	0	105		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
44	10406306	Biên dịch chuyên ngành	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp thực hành dịch thuật và Hiệu đính Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án
45	10406307	Phiên dịch chuyên ngành	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và

								nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
1.2 Học phần bắt buộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh Y tế : 9 tín chỉ									
46	10406308	Tiếng Anh y khoa	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
47	10406309	Biên phiên dịch Tiếng Anh Y tế	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp học tập dựa trên dự án - Phương pháp thực hành dịch thuật và Hiệu đính Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án
48	10406310	Giao tiếp Tiếng Anh Y tế	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ

								- Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	
1.3 Học phần bắt buộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh du lịch : 9 tín chỉ									
49	10406311	Tổng quan tiếng Anh du lịch	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
50	10406312	Tiếng Anh Nhà hàng – Khách sạn	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp học tập dựa trên dự án - Phương pháp thực hành dịch thuật và Hiệu đính Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án
51	10406313	Tiếng Anh lễ hành	3	15	30	55		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
2. Học phần chung tự chọn: 3 tín chỉ									
52	10406316	Lịch sử văn minh thế giới	3	30	0	70		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá thuyết trình nhóm - Đánh giá vai trò của

								hiếu tài liệu	cá nhân trong nhóm
								Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
53	10406314	Văn hóa văn minh những nước nói tiếng Anh	3	30	0	70		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
54	10406315	Đất nước học Anh Mỹ	3	30	0	70		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
1. Học phần tự chọn chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Anh : 3 tín chỉ									
55	10406317	Tiếng Anh thương mại	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
56	10406318	Tiếng Anh quân	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy:	Đánh giá thường kỳ:

		trị kinh doanh						- Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	- Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
57	10406319	Tiếng Anh tài chính	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
58	10406320	Tiếng Anh pháp lý	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
2. Học phần tự chọn chuyên ngành Ngôn ngữ Y tế : 3 tín chỉ									
59	10406321	Tiếng Anh truyền thông y tế và sức khỏe	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp học tập dựa trên dự án Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá thuyết trình nhóm - Đánh giá vai trò của cá nhân trong nhóm Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án
60	10406322	Tiếng Anh dược học và y tế công	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình

		cộng						giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
61	10406323	Tiếng Anh trong nghiên cứu và xuất bản y khoa	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án
62	10406324	Giao tiếp đa văn hóa trong môi trường y tế	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp đóng vai và Mô phỏng ngữ cảnh nghề nghiệp Phương pháp học tập: - Học tập mô phỏng và Sắm vai - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
3. Học phần tự chọn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh du lịch : 3 tín chỉ)									
63	10406325	Tiếng Anh du lịch	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
64	10406326	Tiếng Anh quản trị điểm đến và	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình

		văn hóa bản địa						giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
65	10406327	Tiếng Anh truyền thông và tiếp thị du lịch số	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp học tập dựa trên dự án Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án
66	10406328	Tiếng Anh du lịch bền vững và sinh thái	3	30	30	90		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá thuyết trình nhóm - Đánh giá vai trò của cá nhân trong nhóm Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết
IV. TỐT NGHIỆP (10 tín chỉ)									
67	10406501	Thực tập tốt nghiệp	3	0	90	60		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ Phương pháp học tập: - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá thực tập của doanh nghiệp Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án

								sơ học tập - Học qua trải nghiệm và Thực tế nghề nghiệp - Luyện tập qua phần mềm và Công cụ dịch thuật kỹ thuật số	
68	10406601	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	140		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp học tập dựa trên dự án - Phương pháp phản hồi và Thực hành phân tư ngôn ngữ Phương pháp học tập: - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Học qua trải nghiệm và Thực tế nghề nghiệp	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá thuyết trình trước hội đồng khoa học
1. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Ngôn ngữ và văn hóa Anh									
69	10406602	Thực hành tiếng (Nghe, nói, đọc, viết)	4	0	120	80		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp dạy học giao tiếp tiếng Anh - Phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phân tư ngôn ngữ Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
70	10406603	Lý thuyết tiếng (Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng)	3	0	90	60		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Thuyết giảng tương tác - Phương pháp Thảo luận nhóm - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Phân tích đối chiếu	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Trắc nghiệm và Tự luận viết

								Ngôn ngữ - Văn hóa - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	
2. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh y tế									
71	10406604	Đồ án dịch thuật và biên tập tài liệu y sinh	4	0	120	80		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp học tập dựa trên dự án - Phương pháp thực hành dịch thuật và Hiệu đính Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Học qua trải nghiệm và Thực tế nghề nghiệp	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án
72	10406605	Thực hành tiếng Anh y tế	3	0	90	60		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
3. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh du lịch									
73	10406606	Đồ án thiết kế và vận hành sản phẩm du lịch	4	0	120	80		Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp học tập dựa trên dự án Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Học tập qua dự án và Giải quyết vấn đề - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập - Học qua trải nghiệm và Thực tế nghề nghiệp	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Đánh giá Tiểu luận, Báo cáo và Đồ án

74	10406607	Thực hành tiếng Anh du lịch	3	0	90	60	Phương pháp giảng dạy: - Phương pháp Tự tìm hiểu tài liệu - Phương pháp phản hồi và Thực hành phản tư ngôn ngữ Phương pháp học tập: - Thảo luận nhóm và Học tập hợp tác - Tự học và Xây dựng hồ sơ học tập	Đánh giá thường kỳ: - Đánh giá quá trình qua chuyên cần và ý thức - Đánh giá bài tập và thực hành ngôn ngữ Đánh giá cuối kỳ: - Thi Thực hành và Vấn đáp ngôn ngữ
Tổng tín chỉ toàn khóa			128					
Kiến thức không tích lũy			11					
		Giáo dục QP-AN	08					
		Giáo dục thể chất 1	01					
		Giáo dục thể chất 2	01					
		Giáo dục thể chất 3	01					

2.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

I (Introduce): học phần dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức đơn giản làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

P (Practice): học phần dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức cơ bản hay nâng cao;

M (Master): học phần dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức nâng cao, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Bảng 7. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

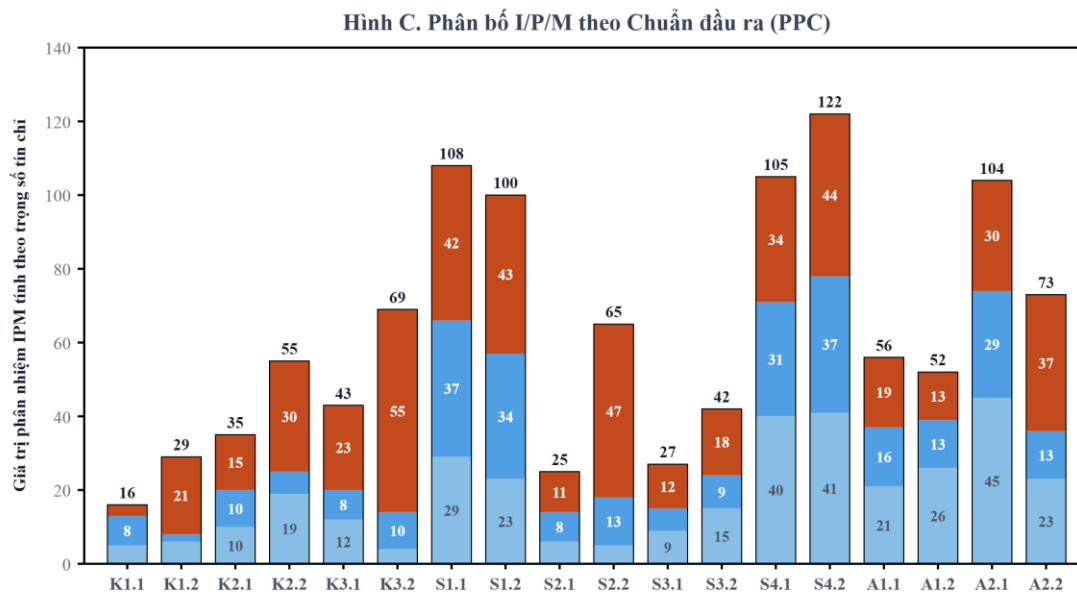
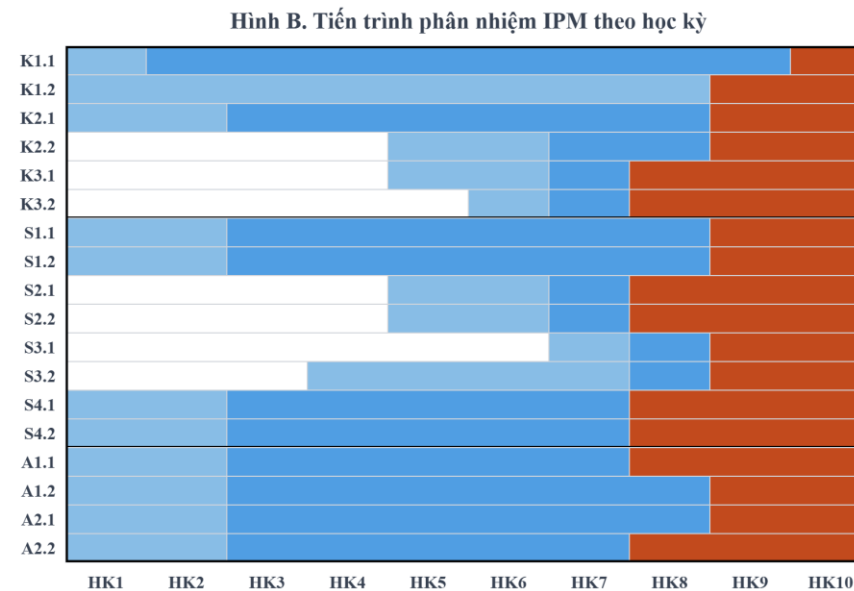
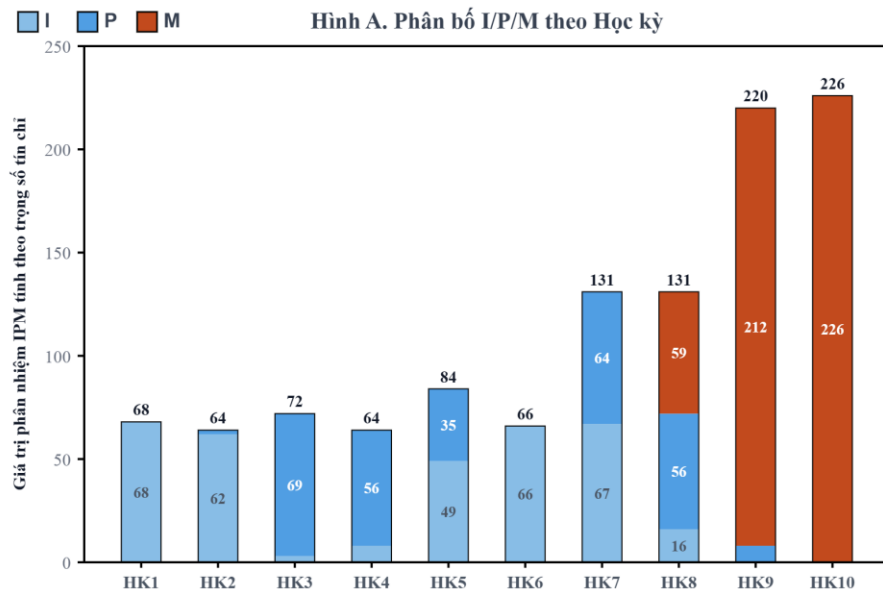
T T	Mã học phần	Tên học phần	T C	H K	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	
					K1. 1	K1. 2	K2. 1	K2. 2	K3. 1	K3. 2	S1. 1	S1. 2	S2. 1	S2. 2	S3. 1	S3. 2	S4. 1	S4. 2	A1 .1	A1. 2	A2. 1	A2. 2
1	10500001	Triết học Mác - Lênin	3	1	I	P													I	P		
2	10406104	Nghe 1	3	1							I	P	P	M								
3	10406105	Nói 1	3	1							I	P	P	M								
4	10406106	Đọc 1	3	1							I	P	P	M								
5	10406107	Viết 1	3	1							I	P	P	M								
6	10500002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	M	P													P	P		
7	10406109	Nghe 2	3	2			P	I			P	M					P					
8	10406110	Nói 2	3	2			P	I			P	M					P					
9	10406111	Đọc 2	3	2			P	P			M										P	
10	10406112	Viết 2	3	2			P	P				M							P		P	P
11	10500003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3	M	P													P	P		
12	10406113	Nghe 3	3	3			P	P			M	P					P			P		
13	10406114	Nói 3	3	3			P	P			P	M					M			P	P	
14	10406115	Đọc 3	3	3			M	P			P										P	P
15	10406116	Viết 3	3	3			P	M				M							P		M	
16	10500005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	4	M	M													M	M		
17	10406117	Nghe 4	3	4				M	P			M	M						M		P	M
18	10406118	Nói 4	3	4				M	P			P	M						M	M		M
19	10406119	Đọc 4	3	4				M	M			M										M
20	10406120	Viết 4	3	4				M	M				M							M		M
21	10500004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	5	M	M													M	M		

T T	Mã học phần	Tên học phần	T C	H K	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	
					K1. 1	K1. 2	K2. 1	K2. 2	K3. 1	K3. 2	S1. 1	S1. 2	S2. 1	S2. 2	S3. 1	S3. 2	S4. 1	S4. 2	A1 .1	A1. 2	A2. 1	A2. 2
22	10406102	Dẫn luận ngôn ngữ	2	5			M	M	P									P			P	
23	10406108	Kỹ năng tiếng tổng hợp	3	5			M	M	P	P	M	M	P	P				M	M		P	M
24	10407001	Tiếng Trung 1	3	5													P	P	P		P	
25	10500008	Kỹ năng mềm trong kỹ nguyên số	2	5												I		M	M	P	P	M
26	10300002	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2	5													M	P	P		M	M
27	10500007	Nhập môn phát triển bền vững	2	5	P											P				M	M	P
28	10500009	Xác xuất thống kê	2	5		M											P	P	M			M
29	10100001	Pháp luật đại cương	2	6	P	M													M	M		
30	10407002	Tiếng Trung 2	3	6												P	M	P	P		P	M
31	10406101	Tiếng Việt thực hành	2	6			M	P				P							P			P
32	10406301	Ngữ âm - Âm vị học	2	6			M	M				P							P			M
33	10406314	Văn hóa văn minh các nước nói tiếng Anh	2	6			P	M											P	P	M	M
34	10406315	Đất nước học Anh Mỹ	2	6			P	M											P	P	M	M
35	10406316	Lịch sử văn minh thế giới	2	6	P	P	P	M											P	P	M	P
36	10500008	Kỹ năng mềm trong kỹ nguyên số	2	6														M	M	P	P	M
37	10300002	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục	2	6												P	M	P	P		M	M
38	10500007	Nhập môn phát triển bền vững	2	6	P															M	M	P
39	10500009	Xác xuất thống kê	2	6		M											P	P	M			M
40	10500006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7		M											P	P	M			M

T T	Mã học phần	Tên học phần	T C	H K	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	
					K1. 1	K1. 2	K2. 1	K2. 2	K3. 1	K3. 2	S1. 1	S1. 2	S2. 1	S2. 2	S3. 1	S3. 2	S4. 1	S4. 2	A1 .1	A1. 2	A2. 1	A2. 2
41	10712102	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7	P		M	P											P	P	M	P
42	10406303	Ngữ pháp	3	7			M	M	P				P							P		
43	10406304	Nhập môn Biên - Phiên dịch	3	7			P	P	M	P	P	P	M	P				M	P	P		M
44	10406305	Văn học Anh	3	7			M	M				M							P	P	M	P
45	10406308	Tiếng Anh Y khoa	3	7			P	P	P	M	M	M	M	P				M	M	P		M
46	10406311	Tổng quan Tiếng Anh Du lịch	3	7			P	M	P	M	M		P	M				M	M	P		M
47	10200001	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	8														M	M	P	P	M
48	10406103	Cross-cultural Communication Giao tiếp đa văn hóa	2	8			M	M				M						M	M	M	M	P
49	10406302	Từ vựng	2	8			M	M				M									P	M
50	10406306	Biên dịch chuyên ngành	3	8			P	P	M	M	M	P	M	M				M	M	M		M
51	10406307	Phiên dịch chuyên ngành	3	8			P	P	M	M	P	M	M	M				M	M	M		M
52	10406309	Biên phiên dịch Tiếng Anh Y tế	3	8			P	P	M	M	M	M	M	M				M	M	M	P	M
53	10406310	Giao tiếp Tiếng Anh Y tế	3	8			P	P	P	M	M	M	P	M				M	M	P	P	M
54	10406312	Tiếng Anh Nhà hàng – Khách sạn	3	8			P	M	P	M	M	M	P	M				M	M	P	P	M
55	10406313	Tiếng Anh lễ hành	3	8			P	M	P	M	M	M	P	M				M	M	P	P	M
56	10300001	Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo	2	9														P	P			M
57	10100002	Đạo đức nghề nghiệp và pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	9	M	M										M	M			M		P
58	10406329	Kỹ năng thuyết trình	3	9								M	M						M	M		M
59	10406317	Tiếng Anh thương mại	3	9			P	M	M	M	M	P	M	P				M	M	P		M
60	10406318	Tiếng Anh quản trị kinh doanh	3	9			P	M	M	M	M	P	M	M				M	M	P		M

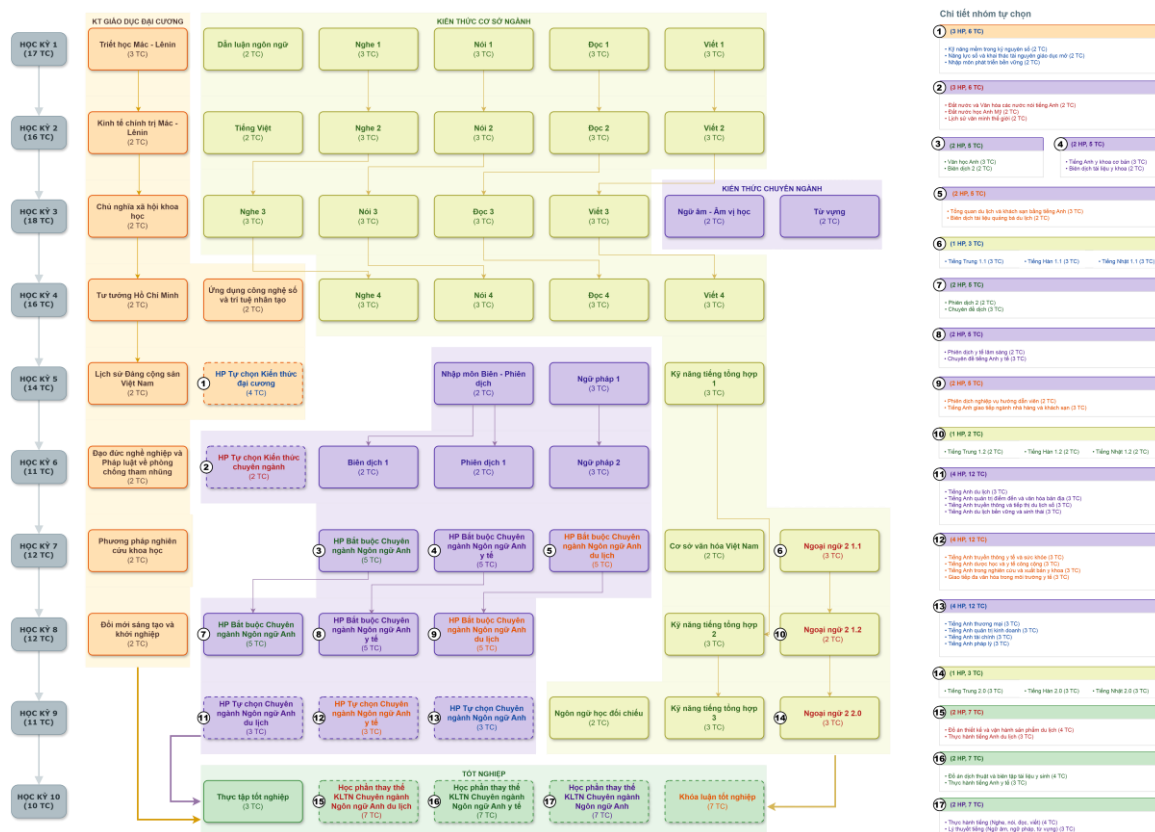
T T	Mã học phần	Tên học phần	T C	H K	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	
					K1. 1	K1. 2	K2. 1	K2. 2	K3. 1	K3. 2	S1. 1	S1. 2	S2. 1	S2. 2	S3. 1	S3. 2	S4. 1	S4. 2	A1 .1	A1. 2	A2. 1	A2. 2
61	10406319	Tiếng Anh tài chính	3	9			P	M	M	M	M	P	M	M					M	P		M
62	10406320	Tiếng Anh pháp lý	3	9			P	M	M	M	M	P	M	M					M	M		M
63	10406321	Tiếng Anh truyền thông y tế và sức khỏe	3	9			P	M	M	M	M	M	P	M				M	M	P		M
64	10406322	Tiếng Anh dược học và y tế công cộng	3	9			P	M	M	M	M	M	P	M			M	M	M	P		M
65	10406323	Tiếng Anh trong nghiên cứu và xuất bản y khoa	3	9		M	P	M	M	M	M	M	P	M			M	M	M	P		M
66	10406324	Giao tiếp đa văn hóa trong môi trường y tế	3	9			M	M	M	M	M	M	M					M	M	M		M
67	10406325	Tiếng Anh du lịch	3	9			P	M	M	P	M	P	M	M				M	M	P		M
68	10406326	Tiếng Anh quản trị điểm đến và văn hóa bản địa	3	9			M	M	M	M	M	P	M	M				M	M	M		M
69	10406327	Tiếng Anh truyền thông và tiếp thị du lịch số	3	9			P	M	M	P	M	M	M	P				M	M	P		M
70	10406328	Tiếng Anh du lịch bền vững và sinh thái	3	9			P	M	M	P	M	M	P	M				M	M	M		M
71	10406501	Thực tập tốt nghiệp	3	10						M	M	M	M	M	P	P	M	M	M	M	M	M
72	10406601	Khóa luận tốt nghiệp	7	10	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
73	10406602	Thực hành tiếng (Nghe, nói, đọc, viết)	4	10			M	M	M	P	M	M	M	M				M	M	P		M
74	10406603	Lý thuyết tiếng (Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng)	3	10			M	M	M	P	P	P	M					M	M		M	M
75	10406604	Đồ án dịch thuật và biên tập tài liệu y sinh	4	10			P	P	M	M	M	P	M	M				M	M	M		M
76	10406605	Thực hành tiếng Anh y tế	3	10			P	P	M	M	M	M	M	M				M	M	P		M

T T	Mã học phần	Tên học phần	T C	H K	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	
					K1. 1	K1. 2	K2. 1	K2. 2	K3. 1	K3. 2	S1. 1	S1. 2	S2. 1	S2. 2	S3. 1	S3. 2	S4. 1	S4. 2	A1 .1	A1. 2	A2. 1	A2. 2
77	10406606	Đồ án thiết kế và vận hành sản phẩm du lịch	4	10			P	P	M	M	M	M	M	M				M	M	P		M
78	10406607	Thực hành tiếng Anh du lịch	3	10			P	P	M	P	M	M	M	M				M	M	M		M



* Bảng phân tích thiết kế phân nhiệm IPM qua các học kỳ để đảm bảo tiến trình, thành phần giúp đạt mức PPC của chương trình. Giá trị I, P, M được tính bằng số giá trị I, P, M của từng học phần có trọng số là số tín chỉ của học phần, lấy trung bình theo số tín chỉ của các nhóm học phần.

[Xem hình sơ đồ lộ trình học tập]



Bảng 8. Kế hoạch giảng dạy

T T	Mã học phần	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Mã HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1 (15 tín chỉ: 15 tín chỉ bắt buộc, 0 tín chỉ tự chọn)				
1	10500001	Triết học Mác - Lênin	3	
2	10406104	Nghe 1	3	
3	10406105	Nói 1	3	
4	10406106	Đọc 1	3	
5	10406107	Viết 1	3	
6		Giáo dục thể chất	2	
HỌC KỲ 2 (14 tín chỉ: 14 tín chỉ bắt buộc, 0 tín chỉ tự chọn)				
7	10500002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
8	10406109	Nghe 2	3	
9	10406110	Nói 2	3	

10	10406111	Đọc 2	3	
11	10406112	Viết 2	3	
12		Giáo dục thể chất	1	
HỌC KỲ 3 (14 tín chỉ: 14 tín chỉ bắt buộc, 0 tín chỉ tự chọn)				
13	10500003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
14	10406113	Nghe 3	3	
15	10406114	Nói 3	3	
16	10406115	Đọc 3	3	
17	10406116	Viết 3	3	
18		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	
HỌC KỲ 4 (14 tín chỉ: 14 tín chỉ bắt buộc, 0 tín chỉ tự chọn)				
19	10500005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
20	10406117	Nghe 4	3	
21	10406118	Nói 4	3	
22	10406119	Đọc 4	3	
23	10406120	Viết 4	3	
HỌC KỲ 5 (12 tín chỉ: 10 tín chỉ bắt buộc, 2 tín chỉ tự chọn)				
24	10500004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
25	10406102	Dẫn luận ngôn ngữ	2	
26	10406108	Kỹ năng tiếng tổng hợp	3	
27	10407001	Tiếng Trung 1	3	
Kiến thức đại cương (tự chọn) - 2 tín chỉ				
28	10500008	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số	2	
29	10300002	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2	
30	10500007	Nhập môn phát triển bền vững	2	
31	10500009	Sắc xuất thống kê	2	
HỌC KỲ 6 (13 tín chỉ: 9 tín chỉ bắt buộc, 4 tín chỉ tự chọn)				
32	10100001	Pháp luật đại cương	2	
33	10407002	Tiếng Trung 2	3	
34	10406101	Tiếng Việt thực hành	2	
35	10406301	Ngữ âm – Âm vị học	2	
Kiến thức đại cương (tự chọn) - 2 tín chỉ				
36	10500008	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số	2	
37	10300002	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2	
38	10500007	Nhập môn phát triển bền vững	2	
39	10500009	Xác suất thống kê	2	
Các học phần tự chọn chung – 2 tín chỉ				

40	10406314	Văn hóa văn minh những nước nói Tiếng Anh	2	
41	10406315	Đất nước học Anh Mỹ	2	
42	10406316	Lịch sử văn minh thế giới	2	
HỌC KỲ 7 (14 tín chỉ: 11 tín chỉ bắt buộc, 3 tín chỉ tự chọn)				
43	10500006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
44	10712102	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	
45	10406303	Ngữ pháp	3	
46	10406304	Nhập môn Biên – Phiên dịch	3	
Chuyên ngành (3TC)				
Chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Anh - 3 tín chỉ				
47	10406305	Văn học Anh	3	
Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh y tế - 3 tín chỉ				
48	10406308	Tiếng Anh y khoa	3	
Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh du lịch - 3 tín chỉ				
49	10406311	Tổng quan Tiếng Anh du lịch	3	
HỌC KỲ 8 (12 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 0 tín chỉ tự chọn)				
50	10200001	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	
51	10406103	Giao tiếp đa văn hóa	2	
52	10406302	Từ vựng	2	
Chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Anh - 6 tín chỉ				
53	10406306	Biên dịch chuyên ngành	3	
54	10406307	Phiên dịch chuyên ngành	3	
Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh Y tế - 6 tín chỉ				
55	10406309	Biên phiên dịch Tiếng Anh Y tế	3	
56	10406310	Giao tiếp Tiếng Anh Y tế	3	
Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh Du lịch - 6 tín chỉ				
57	10406312	Tiếng Anh Nhà hàng – Khách sạn	3	
58	10406313	Tiếng Anh Lễ hành	3	
HỌC KỲ 9 (10 tín chỉ: 7 tín chỉ bắt buộc, 3 tín chỉ tự chọn)				
59	10300001	Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo	2	
60	10100002	Đạo đức nghề nghiệp và pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	
61	10406329	Kỹ năng thuyết trình	3	
chuyên ngành (3 TC)				
Chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Anh - 3 tín chỉ				
62	10406317	Tiếng Anh thương mại	3	
63	10406318	Tiếng Anh quản trị kinh doanh	3	
64	10406319	Tiếng Anh tài chính	3	

65	10406320	Tiếng Anh pháp lý	3	
Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh y tế - 3 tín chỉ				
66	10406321	Tiếng Anh truyền thông y tế và sức khỏe	3	
67	10406322	Tiếng Anh dược học và y tế công cộng	3	
68	10406323	Tiếng Anh trong nghiên cứu và xuất bản y khoa	3	
69	10406324	Giao tiếp đa văn hóa trong môi trường y tế	3	
Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh du lịch - 3 tín chỉ				
70	10406325	Tiếng Anh du lịch	3	
71	10406326	Tiếng Anh quản trị điểm đến và văn hóa bản địa	3	
72	10406327	Tiếng Anh truyền thông và tiếp thị du lịch số	3	
73	10406328	Tiếng Anh du lịch bền vững và sinh thái	3	
HỌC KỲ 10 (10 tín chỉ: 3 tín chỉ bắt buộc, 7 tín chỉ tự chọn)				
Học phần tốt nghiệp				
74	10406501	Thực tập tốt nghiệp	3	
Khóa luận tốt nghiệp - 7 tín chỉ				
75	10406601	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Anh - 7 tín chỉ				
76	10406602	Thực hành tiếng (Nghe, nói, đọc, viết)	4	
77	10406603	Lý thuyết tiếng (Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng)	3	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh y tế - 7 tín chỉ				
78	10406604	Đồ án dịch thuật và biên tập tài liệu y sinh	4	
79	10406605	Thực hành tiếng Anh y tế	3	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh du lịch - 7 tín chỉ				
80	10406606	Đồ án thiết kế và vận hành sản phẩm du lịch	4	
81	10406607	Thực hành tiếng Anh du lịch	3	

Lưu ý: Tiến độ học tập theo phân bố này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.

2.6 Mô tả tóm tắt nội dung các học phần/môn học

2.6.1 Các học phần thuộc khối kiến thức kiến thức giáo dục đại cương

(1) Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng về thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận nhận thức khoa học. Nội dung môn học tập trung làm rõ hai bộ phận cốt lõi bao gồm chủ nghĩa duy vật

biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Sinh viên được hướng dẫn cách thức vận dụng các quy luật, phạm trù triết học để phân tích, đánh giá các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy trong thực tiễn. Qua đó, môn học giúp người học xây dựng lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đồng thời phát triển tư duy logic, năng lực phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề hệ thống. Đây là cơ sở lý luận thiết yếu hỗ trợ sinh viên tiếp thu hiệu quả các học phần chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu.

(2) Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự vận động và phát triển của nền sản xuất xã hội. Môn học đi sâu phân tích phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, bản chất của giá trị thặng dư và các hình thái tư bản trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, nội dung học phần tập trung làm rõ đặc trưng, thể chế và cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu môn học, sinh viên được trang bị tư duy kinh tế sắc bén, hiểu rõ đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, từ đó có khả năng vận dụng linh hoạt vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống xã hội.

(3) Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho sinh viên những lý luận nền tảng về quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nội dung môn học tập trung phân tích sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân, những quy luật chính trị - xã hội cơ bản mang tính tất yếu trong thời kỳ quá độ. Bên cạnh đó, sinh viên được tìm hiểu chuyên sâu về các vấn đề dân chủ, nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu giai cấp, dân tộc, tôn giáo và gia đình tại Việt Nam. Môn học góp phần xây dựng niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị vững vàng và nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong công cuộc xây dựng đất nước.

(4) Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh hệ thống hóa các kiến thức cơ bản về cơ sở khách quan, chủ quan hình thành và các giai đoạn phát triển cốt lõi trong tư tưởng của Người. Môn học đi sâu phân tích những luận điểm thiên tài về cách mạng giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Qua đó, sinh viên thấu hiểu giá trị to lớn của di sản tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Môn học đóng vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng tinh thần yêu nước, đạo đức cách mạng chuyên nghiệp và lý tưởng chính trị vững vàng, giúp người học vận dụng tư tưởng của Người vào rèn luyện bản thân.

(5) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam phác họa toàn cảnh tiến trình lịch sử vẻ vang, quy luật ra đời và vai trò lãnh đạo độc tôn của Đảng từ năm 1930 đến nay. Nội dung môn học tập trung làm rõ đường lối chiến lược, sách lược đấu tranh linh hoạt trong các cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất Tổ quốc cũng như công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Thông qua việc nghiên cứu các giai đoạn lịch sử, sinh viên đúc kết được những bài học kinh nghiệm quý báu về nghệ thuật lãnh đạo, nghệ thuật chiến tranh nhân dân. Học phần giúp người học nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc và rèn luyện tư duy lịch sử - logic để đánh giá khách quan các sự kiện chính trị trong thời kỳ hội nhập.

(6) Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (2 tín chỉ)

Học phần Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về việc khai thác công nghệ dữ liệu số trong tổ chức hiện đại. Nội dung môn học bao quát các nguyên lý cốt lõi của trí tuệ nhân tạo, học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và cách thức triển khai các công cụ phần mềm tiên tiến để tối ưu hóa hiệu suất làm việc. Sinh viên được trải nghiệm thực tế thông qua các dự án tích hợp công nghệ AI vào hoạt động quản trị, kinh doanh và giáo dục. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng ứng dụng linh hoạt công nghệ số vào chuyên môn Ngôn ngữ Anh, từ đó nâng cao chất lượng biên phiên dịch, nghiên cứu ngôn ngữ và thích ứng nhanh chóng với kỷ nguyên chuyển đổi số toàn cầu.

(7) Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng (2 tín chỉ)

Học phần Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng trang bị hệ thống chuẩn mực hành vi, trách nhiệm xã hội và các quy định pháp lý hiện hành tại Việt Nam. Nội dung môn học tập trung phân tích căn nguyên, hậu quả của tệ nạn tham nhũng, các tình huống rủi ro đạo đức và xung đột lợi ích chốn công sở. Sinh viên được rèn luyện tư duy phản biện pháp lý chuyên nghiệp thông qua việc giải quyết các bài tập tình huống thực tế. Môn học đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao ý thức tuân thủ kỷ luật lao động, xây dựng lối sống liêm chính và ứng xử văn minh. Qua đó, người học được chuẩn bị bản lĩnh vững vàng để đảm bảo tính minh bạch trong các hoạt động biên phiên dịch, giảng dạy hay thương mại quốc tế sau này.

(8) Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học hướng dẫn chi tiết quy trình xây dựng và triển khai một công trình nghiên cứu độc lập theo các chuẩn mực hàn lâm quốc tế. Nội dung học phần trải dài từ bước xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thu thập dữ liệu định tính hoặc định lượng, cho đến kỹ năng phân tích và trình bày báo cáo. Sinh viên được rèn luyện tư duy logic hệ thống, năng lực phản biện sắc bén và đạo đức nghiên cứu nghiêm túc chống đạo văn. Môn học là hành trang thiết yếu cung cấp phương pháp luận khoa học, giúp sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tự tin thực hiện thành công các đề án, khóa luận tốt nghiệp và phát triển năng lực học tập suốt đời trong môi trường học thuật chuyên nghiệp.

(9) Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (2 tín chỉ)

Học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp khơi dậy tư duy thiết kế, tinh thần doanh chủ và quy trình hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh tinh gọn trong bối cảnh hội nhập. Môn học trang bị các công cụ thực tiễn để nhận diện cơ hội, phân tích nhu cầu thị trường, xây dựng Mô hình kinh doanh Canvas và lập kế hoạch tài chính cơ bản. Thông qua việc thực hiện dự án nhóm, sinh viên được huấn luyện kỹ năng nghệ thuật trình bày dự án (Pitching) và kêu gọi vốn đầu tư chuyên nghiệp. Học phần không chỉ bồi dưỡng khả năng giải quyết vấn đề linh hoạt mà còn rèn

luyện năng lực thích ứng với rủi ro. Qua đó, người học sẵn sàng xây dựng các dự án khởi nghiệp độc lập, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ và dịch vụ biên phiên dịch chất lượng cao.

(10) Tiếng Trung 1 (3 tín chỉ)

Học phần **Tiếng Trung 1** trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tiếng Trung ở trình độ sơ cấp, bao gồm hệ thống ngữ âm (phiên âm Hán ngữ Pinyin), chữ Hán cơ bản, từ vựng, ngữ pháp và các mẫu câu giao tiếp thông dụng. Học phần giúp người học phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong những tình huống giao tiếp hằng ngày như chào hỏi, giới thiệu bản thân, gia đình, trường học, mua sắm và sinh hoạt thường nhật. Đồng thời, học phần bước đầu hình thành hiểu biết về văn hóa, phong tục, tập quán và cách thức giao tiếp của người Trung Quốc, tạo nền tảng để sinh viên tiếp tục học các học phần Tiếng Trung ở trình độ cao hơn, đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ thứ hai (Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) và nâng cao năng lực giao tiếp trong môi trường học tập, làm việc và hội nhập quốc tế.

(11) Tiếng Trung 2 (3 tín chỉ)

Học phần **Tiếng Trung 2** tiếp nối học phần Tiếng Trung 1, giúp sinh viên củng cố và mở rộng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, chữ Hán và các mẫu câu giao tiếp ở trình độ sơ cấp. Học phần tập trung phát triển đồng đều bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề gần gũi như học tập, công việc, du lịch, giao thông, mua sắm, sức khỏe và các hoạt động trong đời sống hằng ngày. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện khả năng giao tiếp trong các tình huống thực tế, nâng cao kỹ năng đọc hiểu và viết các đoạn văn ngắn bằng tiếng Trung, đồng thời mở rộng hiểu biết về văn hóa, phong tục và nghi thức giao tiếp của Trung Quốc. Học phần tạo nền tảng để sinh viên tiếp tục học các học phần ngoại ngữ thứ hai ở trình độ cao hơn, hướng tới đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo và nâng cao năng lực giao tiếp trong môi trường học tập, nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

(12) Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần **Pháp luật đại cương** trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về Nhà nước và pháp luật Việt Nam, bao gồm các khái niệm cơ bản về pháp luật, hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện và áp dụng pháp luật, trách nhiệm pháp lý, cũng như những nội dung cơ bản của một số ngành luật như Hiến pháp, dân sự, hành chính, hình sự, lao động và thương mại. Học phần giúp người học hình thành ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong học tập, công việc và đời sống. Đồng thời, học phần góp phần bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, ý thức công dân, tinh thần thượng tôn pháp luật và trách nhiệm xã hội, tạo nền tảng để sinh viên thích ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập quốc tế

(13) Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số (2 tín chỉ)

Học phần Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số rèn luyện hệ thống kỹ năng cốt lõi, giúp người học thích ứng linh hoạt và làm việc hiệu quả trong môi trường số hóa đa văn hóa. Nội dung học phần chú trọng phát triển kỹ năng giao tiếp trực tuyến chuyên nghiệp, năng lực làm việc nhóm từ xa, nghệ thuật quản lý thời gian và phương pháp quản trị cảm xúc cá nhân. Sinh viên được tham gia các hoạt động đóng vai, mô phỏng tình huống thực tế để bồi dưỡng tư duy phản biện nhạy bén và sự tự tin vững vàng. Bên cạnh đó, môn học hướng dẫn nghệ thuật xây dựng và bảo vệ thương hiệu cá nhân trên không gian mạng một cách an toàn, tạo ưu thế cạnh tranh vượt trội cho sinh viên khi chuẩn bị tham gia vào thị trường lao động toàn cầu đầy biến động.

(14) Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở (2 tín chỉ)

Học phần Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở trang bị cho sinh viên tư duy và kỹ năng công nghệ cốt lõi để học tập, nghiên cứu hiệu quả. Nội dung môn học hướng dẫn chi tiết cách thức tìm kiếm nâng cao, đánh giá độ tin cậy và quản trị thông tin trên nền tảng số hóa. Đặc biệt, sinh viên được rèn luyện kỹ năng khai thác hợp pháp nguồn Tài nguyên giáo dục mở (OER) và các cơ sở dữ liệu học thuật quốc tế. Học phần đồng thời cung cấp kiến thức nền tảng về luật bản quyền, an toàn bảo mật thông tin và đạo đức mạng. Qua các bài tập thực hành, người học có khả năng ứng dụng linh hoạt công cụ kỹ thuật số để thiết kế sản phẩm học thuật

chuyên nghiệp, nâng cao hiệu suất tự nghiên cứu trong chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

(15) Nhập môn phát triển bền vững (2 tín chỉ)

Học phần Nhập môn phát triển bền vững phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ hệ sinh thái dựa trên 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc. Nội dung môn học đi sâu nhận diện các thách thức toàn cầu đương đại như biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và khủng hoảng đa dạng sinh học. Qua việc phân tích tình huống thực tế, môn học nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và năng lực giải quyết vấn đề theo hướng bền vững. Học phần giúp sinh viên ngôn ngữ mở rộng tầm nhìn toàn cầu, từ đó có khả năng tham gia tích cực vào các dự án cộng đồng quốc tế và thúc đẩy truyền thông xanh trong môi trường doanh nghiệp.

(16) Xác suất thống kê (2 tín chỉ)

Học phần Xác suất thống kê trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng, bao gồm các khái niệm về biến cố, xác suất, biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất, các tham số thống kê, ước lượng, kiểm định giả thuyết và phân tích tương quan. Học phần giúp người học hình thành tư duy logic, khả năng thu thập, xử lý, phân tích và diễn giải dữ liệu để hỗ trợ việc học tập, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đồng thời, học phần góp phần phát triển năng lực sử dụng các công cụ thống kê trong nghiên cứu ngôn ngữ, giáo dục và các lĩnh vực ứng dụng, tạo nền tảng cho việc tiếp cận các phương pháp nghiên cứu định lượng và ra quyết định dựa trên dữ liệu trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.

2.6.2 Các học phần thuộc khối kiến thức kiến thức cơ sở ngành

(17) Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Học phần Tiếng Việt thực hành hệ thống hóa các kiến thức lý thuyết nền tảng về đặc điểm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng của tiếng Việt hiện đại. Môn học tập trung rèn luyện chuyên sâu kỹ năng tạo lập văn bản chuẩn xác, sửa lỗi đặt

câu, dùng từ, chính tả và tối ưu hóa văn phong theo từng ngữ cảnh giao tiếp cụ thể. Sinh viên được hướng dẫn cách thức tổ chức lập luận, hành văn mạch lạc và sử dụng biện pháp tu từ hiệu quả để tăng tính thuyết phục. Học phần bồi dưỡng năng lực sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách sắc sảo, tinh tế và chuẩn mực. Đây là nền tảng tối quan trọng hỗ trợ trực tiếp cho các nghiệp vụ biên - phiên dịch song ngữ, đồng thời nâng cao chất lượng kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, học thuật chuyên nghiệp.

(18) Cơ sở văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam hệ thống hóa tiến trình lịch sử hình thành, phát triển và những đặc trưng cốt lõi của nền văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Nội dung môn học phân tích sâu sắc các thành tố văn hóa vật chất, tinh thần, tổ chức đời sống xã hội, phong tục tập quán và triết lý nhân sinh của người Việt. Sinh viên được bồi dưỡng tư duy phản biện để đánh giá sự giao lưu, tiếp biến văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa đương đại. Học phần giúp người học thấu hiểu cội nguồn dân tộc, xây dựng bản lĩnh văn hóa vững vàng. Qua đó, sinh viên có thể ứng dụng hiệu quả kiến thức này vào hoạt động giao tiếp liên văn hóa, đóng vai trò cầu nối đắc lực trong công tác biên phiên dịch và truyền bá hình ảnh đất nước ra thế giới.

(19) Dẫn luận ngôn ngữ (2 tín chỉ)

Học phần Dẫn luận ngôn ngữ cung cấp cái nhìn tổng quan về các bình diện cốt lõi của ngôn ngữ học đại cương, bao gồm bản chất xã hội, chức năng giao tiếp, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ nhân loại. Nội dung môn học giới thiệu hệ thống các khái niệm cơ bản về ngữ âm học, từ vựng học, ngữ nghĩa học và ngữ pháp học. Sinh viên được trang bị phương pháp luận khoa học để nhận diện, phân tích và giải thích các hiện tượng ngôn ngữ một cách logic. Kiến thức từ học phần này tạo nền tảng lý thuyết vững chắc, hỗ trợ đắc lực cho việc nghiên cứu chuyên sâu các môn ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ học đối chiếu và tạo cơ sở lý luận để nâng cao hiệu quả thực hành kỹ năng dịch thuật chuyên nghiệp trong tương lai.

(20) Giao tiếp đa văn hóa (2 tín chỉ)

Học phần **Giao tiếp đa văn hóa (Cross-cultural Communication)** trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa, giao tiếp liên văn hóa và sự khác biệt về giá trị, niềm tin, chuẩn mực ứng xử giữa các quốc gia và khu vực trên thế giới. Học phần giúp người học phân tích ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa đến quá trình giao tiếp, nhận diện và xử lý những khác biệt, xung đột văn hóa trong môi trường học tập, làm việc và hợp tác quốc tế. Thông qua các tình huống thực tiễn, thảo luận nhóm và nghiên cứu tình huống, sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, phát triển tư duy cởi mở, khả năng thích ứng, tôn trọng sự đa dạng văn hóa và nâng cao năng lực làm việc trong các tổ chức, doanh nghiệp có yếu tố quốc tế. Học phần góp phần hình thành phẩm chất nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và năng lực hội nhập toàn cầu cho người học.

(21) Nghe 1 (3 tín chỉ)

Học phần Nghe 1 rèn luyện kỹ năng thính thị tiếng Anh ở trình độ sơ cấp thông qua việc khai thác các chủ đề quen thuộc, gần gũi trong đời sống thường nhật như giới thiệu bản thân, thời tiết, thói quen sinh hoạt, địa điểm du lịch và mua sắm. Nội dung môn học hướng dẫn sinh viên áp dụng các chiến lược nghe hiểu cốt lõi bao gồm nghe nắm bắt ý chính, nghe trích xuất thông tin chi tiết và phán đoán ngữ cảnh từ khóa. Học phần giúp người học bước đầu làm quen với ngữ điệu, trọng âm và tốc độ nói tự nhiên của người bản xứ. Qua việc thực hành thường xuyên, môn học xây dựng nền tảng phản xạ thính giác vững chắc, tạo sự tự tin để sinh viên tiếp tục rèn luyện và chuyên tiếp thành công lên các cấp độ nghe hiểu học thuật phức tạp hơn trong chương trình.

(22) Nói 1 (3 tín chỉ)

Học phần Nói 1 trang bị và thực hành các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh căn bản trong môi trường xã hội hàng ngày, xoay quanh các chủ đề thiết thực như gia đình, sở thích, định hướng nghề nghiệp và trải nghiệm cá nhân. Nội dung môn học chú trọng uốn nắn cách phát âm chuẩn xác các âm vị, rèn luyện kỹ thuật nhấn trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu tự nhiên. Sinh viên được luyện tập sử dụng các cấu trúc câu giao tiếp đơn giản, cụm từ thông dụng và thành ngữ cơ bản thông qua hình thức sắm vai, thảo luận cặp. Học phần bồi dưỡng sự tự tin, khuyến khích sinh viên

chủ động tương tác, hình thành phản xạ nói lưu loát và khả năng diễn đạt ý tưởng rành mạch ở mức độ sơ cấp, chuẩn bị nền tảng tốt cho các môn học chuyên sâu tiếp theo.

(23) Đọc 1 (3 tín chỉ)

Học phần Đọc 1 phát triển kỹ năng tiếp nhận văn bản tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, tập trung vào việc làm quen với các dạng văn bản thông tin ngắn, bài báo phổ thông và tài liệu sinh hoạt hàng ngày. Nội dung môn học hướng dẫn thực hành chuyên sâu các chiến lược đọc thiết yếu như đọc lướt (skimming) để tìm ý chính, đọc quét (scanning) để định vị dữ liệu cụ thể và kỹ thuật đoán nghĩa của từ mới dựa vào văn cảnh. Học phần cung cấp hệ thống từ vựng cốt lõi theo từng chủ đề thực tế, giúp sinh viên từng bước mở rộng vốn từ chủ động. Thông qua các bài tập phân tích văn bản, môn học cải thiện tốc độ đọc hiểu, xây dựng thói quen tự học và tạo tiền đề vững chắc cho việc tiếp cận các tài liệu học thuật ở cấp độ cao hơn.

(24) Viết 1 (3 tín chỉ)

Học phần Viết 1 hướng dẫn vận dụng các nguyên tắc ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh cơ bản để xây dựng câu hoàn chỉnh và tạo lập các đoạn văn ngắn gọn, mạch lạc ở trình độ sơ cấp. Nội dung môn học phân tích chi tiết về cấu trúc chuẩn mực của một đoạn văn, bao gồm việc thiết lập câu chủ đề, các câu phát triển ý hỗ trợ và câu kết luận hợp logic. Sinh viên được thực hành viết về các chủ đề quen thuộc như miêu tả người, kể lại trải nghiệm cá nhân, hoặc viết email trao đổi thông tin đơn giản. Học phần rèn luyện tư duy tổ chức ý tưởng hệ thống, kỹ năng diễn đạt rõ ràng và khả năng tự hiệu đính lỗi sai ngữ pháp, tạo nền tảng thiết yếu để sinh viên tự tin bước vào kỹ năng viết bài luận dài và phức tạp hơn.

(25) Kỹ năng tiếng tổng hợp (3 tín chỉ)

Học phần Kỹ năng tiếng tổng hợp 1 vận dụng đồng bộ kiến thức ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh cơ bản để phát triển toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp. Khóa học cung cấp môi trường rèn luyện ngôn ngữ tích hợp, giúp sinh viên hình thành phản xạ giao tiếp tự nhiên trong các tình huống đời sống thường nhật và môi trường học thuật bước đầu. Sinh viên được hướng dẫn

cách hệ thống hóa ngữ liệu, xây dựng thói quen tự học và tự đánh giá tiến bộ cá nhân một cách khoa học. Môn học đóng vai trò thiết lập nền tảng ngoại ngữ vững chắc, khơi dậy niềm đam mê học tập và bồi dưỡng sự tự tin, tạo đà bứt phá cho sinh viên trong quá trình chinh phục các chứng chỉ năng lực ngôn ngữ quốc tế và hội nhập đa văn hóa.

(26) Nghe 2 (3 tín chỉ)

Học phần Nghe 2 củng cố và nâng cao năng lực tiếp nhận thính thị tiếng Anh thông qua việc tiếp cận các chủ đề mở rộng mang tính học thuật nhẹ nhàng và các tình huống giao tiếp phức tạp hơn trong đời sống xã hội. Nội dung môn học rèn luyện chuyên sâu kỹ năng nghe bắt từ khóa trọng tâm, nghe hiểu quan điểm, thái độ của người nói và trích xuất thông tin chi tiết từ các bài hội thoại, độc thoại có độ dài trung bình. Sinh viên được trang bị các chiến lược ghi chú (note-taking) cơ bản để hệ thống hóa dữ liệu âm thanh. Đồng thời, học phần hình thành thói quen chủ động tự luyện tập nghe ngoài giờ học chính khóa, từ đó tăng cường độ nhạy bén thính giác và khả năng ứng phó linh hoạt trong mọi hoàn cảnh giao tiếp đa văn hóa.

(27) Nói 2 (3 tín chỉ)

Học phần Nói 2 phát triển kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ nói bằng tiếng Anh, tập trung vào việc mở rộng các chủ đề giao tiếp xã hội và rèn luyện năng lực trao đổi thông tin mạch lạc ở cấp độ tiền trung cấp. Nội dung môn học hướng dẫn sinh viên cách mô tả chi tiết về sự vật, trình bày nhu cầu cá nhân và thực hành kể lại các sự kiện theo trình tự logic thời gian. Học phần tăng cường cường độ thực hành thông qua các hoạt động sắm vai, thảo luận nhóm và thuyết trình ngắn. Qua đó, sinh viên cải thiện đáng kể độ trôi chảy, linh hoạt sử dụng từ vựng đa dạng và kiểm soát cấu trúc ngữ pháp tốt hơn. Môn học bồi dưỡng bản lĩnh tự tin, khả năng phản xạ nhanh và kỹ năng xử lý các tình huống giao tiếp thông thường một cách tự nhiên.

(28) Đọc 2 (3 tín chỉ)

Học phần Đọc 2 mở rộng vốn từ vựng chuyên đề và củng cố kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp, đáp ứng yêu cầu tiếp cận các nguồn tài liệu đa dạng hơn trong môi trường đại học. Sinh viên được làm quen với các văn bản có độ

dài tương đối, cấu trúc câu phức tạp và thực hành chuyên sâu các chiến lược đọc lướt tìm ý chính (skimming), đọc quét trích xuất thông tin chi tiết (scanning). Nội dung môn học hướng dẫn kỹ năng nhận diện thái độ của tác giả, phân tích cấu trúc đoạn văn để khai thác dữ liệu hiệu quả và bước đầu suy luận ý nghĩa ẩn dụ. Học phần giúp sinh viên xây dựng thói quen đọc sách chủ động, nâng cao tốc độ xử lý thông tin văn bản phục vụ mục tiêu nghiên cứu học thuật và mở rộng tri thức văn hóa.

(29) Viết 2 (3 tín chỉ)

Học phần Viết 2 thực hành kỹ năng xây dựng các loại câu phức, câu ghép và tạo lập các đoạn văn học thuật ngắn tuân thủ nghiêm ngặt cấu trúc chuẩn mực của văn phong tiếng Anh. Nội dung môn học rèn luyện phương pháp tổ chức ý tưởng một cách logic, phát triển luận điểm mạch lạc đi kèm với các minh chứng cụ thể, thuyết phục. Sinh viên được cung cấp hệ thống từ nối (transition words), hướng dẫn cách chuyển ý mượt mà và kỹ thuật sử dụng từ vựng, ngữ pháp linh hoạt, chính xác nhằm đáp ứng yêu cầu giao tiếp viết ở mức độ tiền trung cấp. Học phần từng bước hình thành tư duy viết phản biện, khả năng lập dàn ý độc lập và tự biên tập văn bản, chuẩn bị hành trang vững chắc để sinh viên tiến tới kỹ năng viết bài luận hoàn chỉnh (essay) ở các kỳ tiếp theo.

(30) Nghe 3 (3 tín chỉ)

Học phần Nghe 3 luyện tập kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh chuyên sâu ở trình độ trung cấp thông qua các chủ đề đa dạng mang tính học thuật như môi trường, công nghệ, kinh tế và các vấn đề xã hội đương đại. Nội dung môn học rèn luyện năng lực tiếp nhận các bài ghi âm dài, bài giảng, thuyết trình chuyên môn, giúp sinh viên nhận biết quan điểm và thái độ của người nói trong những ngữ cảnh phức tạp. Học phần đặc biệt chú trọng phát triển kỹ năng ghi chú (note-taking) một cách hệ thống, trích xuất thông tin trọng tâm và chi tiết dưới áp lực thời gian. Môn học nâng cao độ nhạy bén thính giác, xây dựng phản xạ phân tích thông tin nhanh chóng, tạo nền tảng vững chắc để sinh viên tự tin tham gia hội thảo quốc tế và đáp ứng yêu cầu công tác trong môi trường đa văn hóa.

(31) Nói 3 (3 tín chỉ)

Học phần Nói 3 phát triển năng lực giao tiếp phản xạ và kỹ năng thuyết trình tiếng Anh chuyên nghiệp về các chủ đề kinh tế, văn hóa, xã hội ở mức độ trung cấp. Nội dung môn học hướng dẫn phương pháp lập luận logic, trình bày quan điểm cá nhân một cách mạch lạc, rõ ràng và sử dụng ngôn ngữ cơ thể hiệu quả trong môi trường học thuật. Sinh viên được cung cấp các chiến lược duy trì cuộc hội thoại, kỹ năng đàm phán cơ bản và nghệ thuật giải quyết xung đột thông qua các bài tập sắm vai sát với thực tiễn doanh nghiệp. Học phần bồi dưỡng bản lĩnh tự tin, khả năng tương tác linh hoạt và phong thái chuyên nghiệp, giúp sinh viên sẵn sàng hội nhập và làm việc hiệu quả tại các tổ chức, tập đoàn đa quốc gia yêu cầu trình độ ngoại ngữ cao.

(32) Đọc 3 (3 tín chỉ)

Học phần Đọc 3 phân tích các văn bản học thuật và tài liệu tiếng Anh chuyên sâu ở trình độ trung cấp nhằm nâng cao toàn diện kỹ năng đọc hiểu và tư duy phản biện. Sinh viên được rèn luyện chiến lược đọc lướt, đọc quét, đoán nghĩa từ mới qua ngữ cảnh và kỹ năng nhận diện cấu trúc, dụng ý của tác giả trong các bài báo khoa học, báo cáo nghiên cứu. Nội dung học phần yêu cầu người học tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, đối chiếu thông tin và rút ra kết luận mang tính khách quan, logic. Môn học không chỉ giúp sinh viên làm chủ vốn từ vựng học thuật phong phú mà còn xây dựng phương pháp tự học, tự nghiên cứu hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xử lý khối lượng lớn tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

(33) Viết 3 (3 tín chỉ)

Học phần Viết 3 thiết kế các bài luận ngắn hoàn chỉnh và văn bản ứng dụng tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn của văn phong học thuật tiếng Anh ở mức độ trung cấp. Nội dung môn học hướng dẫn chi tiết quy trình viết từ khâu lập dàn ý, viết nháp, phát triển luận điểm đến kỹ năng hiệu đính và chỉnh sửa lỗi ngữ pháp. Sinh viên được thực hành đa dạng các thể loại như bài luận thuyết minh, luận nghị luận và các thể thức văn bản truyền thông cơ bản. Học phần chú trọng rèn luyện tư duy tổ chức ý tưởng logic, cách lập luận chặt chẽ đi kèm minh chứng xác đáng và việc sử dụng linh hoạt các cấu trúc ngữ pháp phức hợp. Qua đó, sinh viên nâng cao

năng lực diễn đạt ngôn từ sắc bén, sẵn sàng cho việc soạn thảo báo cáo chuyên ngành và nghiên cứu khoa học.

(34) Nghe 4 (3 tín chỉ)

Học phần Nghe 4 được thiết kế nhằm nâng cao năng lực tiếp nhận và phân tích thông tin từ các nguồn tài liệu thính thị tiếng Anh ở trình độ học thuật cao cấp. Nội dung môn học bao quát các chủ đề phức tạp mang tính toàn cầu như hội nhập kinh tế, y học hiện đại, năng lượng, môi trường và công nghệ sinh học. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe hiểu các bài giảng đại học có thời lượng dài, các cuộc tranh luận chuyên sâu và bản tin quốc tế với tốc độ nói tự nhiên của người bản xứ. Khóa học tập trung hoàn thiện chiến lược ghi chép nâng cao (note-taking), khả năng trích xuất dữ liệu, tổng hợp ý chính và nhận diện các ẩn ý trong diễn ngôn. Môn học trang bị cho sinh viên năng lực xử lý thông tin thính giác xuất sắc, đáp ứng tiêu chuẩn giao tiếp khắt khe trong môi trường học thuật quốc tế.

(35) Nói 4 (3 tín chỉ)

Học phần Nói 4 tập trung rèn luyện kỹ năng trình bày lưu loát, mạch lạc và bảo vệ quan điểm cá nhân trong các tình huống giao tiếp học thuật cũng như chuyên môn mang tính phức tạp cao. Nội dung môn học đi sâu vào việc hoàn thiện kỹ năng diễn thuyết trước công chúng, nghệ thuật tranh biện và kỹ thuật xử lý tình huống thực tế trong bối cảnh doanh nghiệp mô phỏng. Sinh viên được yêu cầu thể hiện tư duy phản biện đa chiều, khả năng lập luận sắc bén, phản xạ ngôn ngữ linh hoạt và kiểm soát tốt các sắc thái ngữ điệu. Thông qua các dự án làm việc độc lập hoặc phối hợp nhóm, môn học bồi dưỡng phong thái giao tiếp tự tin, chuyên nghiệp xuất sắc, chuẩn bị hành trang vững chắc để sinh viên tự tin bước vào môi trường làm việc toàn cầu hoặc tham gia các chương trình đào tạo sau đại học.

(36) Đọc 4 (3 tín chỉ)

Học phần Đọc 4 hướng dẫn sinh viên phương pháp tổng hợp kiến thức và phân tích chuyên sâu các văn bản tiếng Anh học thuật thuộc đa dạng lĩnh vực khoa học, xã hội ở trình độ cao cấp. Nội dung môn học rèn luyện kỹ năng đọc phản biện, nhận diện các giả định tiềm ẩn, đánh giá tính logic của lập luận và phân biệt rõ ràng

giữa sự thật khách quan với quan điểm chủ quan của tác giả. Khóa học yêu cầu người học khai thác hệ thống từ vựng học thuật bậc cao, ứng dụng các chiến lược xử lý tài liệu phức tạp để trích xuất thông tin phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu. Học phần đóng vai trò then chốt trong việc phát triển tư duy nghiên cứu độc lập, giúp sinh viên làm chủ các nguồn học liệu quốc tế và tự tin hoàn thành các chuyên đề, đồ án hay khóa luận tốt nghiệp.

(37) Viết 4 (3 tín chỉ)

Học phần Viết 4 tập trung xây dựng năng lực soạn thảo các bài luận nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống văn bản thương mại phức tạp bằng tiếng Anh theo đúng chuẩn mực học thuật quốc tế. Nội dung môn học hoàn thiện kỹ năng hành văn cao cấp, hướng dẫn chi tiết kỹ thuật trích dẫn tài liệu tham khảo theo chuẩn APA, quy tắc tránh đạo văn và cách thức tổng hợp dữ liệu khoa học. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng phát triển luận điểm độc lập, tư duy đánh giá vấn đề đa chiều và thể hiện quan điểm cá nhân một cách khách quan, thuyết phục. Môn học rèn luyện sự cẩn trọng, tính chính xác tuyệt đối trong việc sử dụng cấu trúc ngữ pháp và từ vựng, đáp ứng yêu cầu khắt khe của công tác nghiên cứu, xuất bản tài liệu quốc tế và soạn thảo văn bản trong môi trường làm việc đa quốc gia.

(38) Kỹ năng thuyết trình (3 tín chỉ)

Học phần **Kỹ năng thuyết trình** trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để chuẩn bị, thiết kế và thực hiện một bài thuyết trình hiệu quả trong môi trường học thuật và nghề nghiệp. Học phần tập trung vào các nội dung như xác định mục tiêu và đối tượng người nghe, xây dựng cấu trúc bài thuyết trình, sử dụng ngôn ngữ và phương tiện hỗ trợ trực quan, kỹ thuật trình bày, giao tiếp phi ngôn ngữ, quản lý thời gian, xử lý câu hỏi và tương tác với người nghe. Thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình cá nhân, thuyết trình nhóm và phản hồi đồng đẳng, sinh viên được rèn luyện khả năng diễn đạt rõ ràng, tư duy logic, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và sự tự tin khi trình bày trước công chúng. Học phần góp phần phát triển năng lực giao tiếp chuyên nghiệp, khả năng truyền đạt thông tin hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của môi trường làm việc trong nước và quốc tế

2.6.3 Các học phần thuộc khối kiến thức kiến thức chuyên ngành

(39) Ngữ âm - Âm vị học (2 tín chỉ)

Học phần Ngữ âm - Âm vị học cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức lý luận nền tảng về cấu tạo cơ quan phát âm, cách thức cấu âm nguyên âm, phụ âm và các hiện tượng ngữ lưu phức tạp trong tiếng Anh. Nội dung môn học làm rõ các quy tắc cốt lõi về cấu trúc âm tiết, trọng âm từ, trọng âm câu, phân nhịp và nghệ thuật sử dụng ngữ điệu. Thông qua việc rèn luyện kỹ năng đọc và phiên âm theo bảng ký hiệu ngữ âm quốc tế (IPA), sinh viên được hướng dẫn nhận diện và khắc phục triệt để các lỗi phát âm thường gặp do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ. Môn học đóng vai trò thiết yếu giúp người học hoàn thiện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh chuẩn xác, tự nhiên, đồng thời hỗ trợ đắc lực cho công tác giảng dạy ngôn ngữ và thực hành biên phiên dịch chuyên nghiệp.

(40) Từ vựng (2 tín chỉ)

Học phần Từ vựng tiếng Anh trang bị những kiến thức thiết yếu về nguồn gốc, sự hình thành, quy luật cấu tạo và sự phát triển của hệ thống từ vựng tiếng Anh. Nội dung môn học đi sâu phân tích các hiện tượng ngữ nghĩa học đa dạng như từ đồng nghĩa, trái nghĩa, đa nghĩa, từ đồng âm. Bên cạnh đó, sinh viên được hướng dẫn nghiên cứu mở rộng về các cụm từ cố định (collocation), thành ngữ (idiom) và sự phân biệt rõ ràng giữa văn phong trang trọng, học thuật với văn phong giao tiếp thân mật. Thông qua các bài tập thực hành ứng dụng, người học rèn luyện tư duy phân tích ngữ nghĩa, kỹ năng tra cứu từ điển chuyên sâu và phương pháp làm giàu vốn từ vựng một cách chủ động. Môn học phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện, giúp sinh viên sử dụng từ ngữ tinh tế, chính xác và linh hoạt trong mọi bối cảnh giao tiếp.

(41) Ngữ pháp 1 (3 tín chỉ)

Học phần Ngữ pháp 1 giải thích các kiến thức nền tảng trong phạm vi từ pháp học tiếng Anh, bao gồm cấu tạo, phân loại và chức năng của các từ loại cốt lõi như danh từ, đại từ, tính từ, trạng từ và động từ. Môn học hướng dẫn sinh viên phân tích sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, cấu trúc cụm từ và nguyên tắc xây dựng câu

đơn chuẩn xác. Thông qua các bài tập vận dụng chuyên sâu, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nhận diện và khắc phục triệt để các lỗi ngữ pháp phổ biến thường gặp trong giao tiếp thực tế và văn phong học thuật cơ bản. Học phần tạo dựng nền tảng lý thuyết ngôn ngữ vững chắc, giúp người học kiểm soát tốt độ chính xác của ngôn bản, làm cơ sở thiết yếu để tiếp tục nghiên cứu các hiện tượng ngữ pháp phức tạp hơn trong những học kỳ tiếp theo.

(42) Nhập môn Biên – Phiên dịch (3 tín chỉ)

Học phần Nhập môn Biên - Phiên dịch khái quát hệ thống lý thuyết nền tảng về khoa học dịch thuật, làm rõ bản chất, quá trình và các tiêu chí đánh giá chất lượng của một bản dịch tiêu chuẩn. Môn học giới thiệu tổng quan về các loại hình dịch thuật phổ biến như biên dịch văn bản, phiên dịch nói tiếp, phiên dịch song song và phân tích sự khác biệt cốt lõi giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Sinh viên được làm quen với mô hình dịch động, rèn luyện tư duy chuyên ngữ linh hoạt và thói quen chuẩn bị kỹ lưỡng thuật ngữ trước khi tác nghiệp. Khóa học khơi gợi sự hứng thú học tập, trang bị kim chỉ nam phương pháp luận và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cơ bản, tạo hành trang vững chắc cho sinh viên trước khi bước vào các học phần thực hành dịch thuật chuyên sâu.

(43) Lịch sử văn minh thế giới (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử văn minh thế giới khái quát hóa quá trình hình thành, phát triển và những thành tựu rực rỡ của các nền văn minh nhân loại tiêu biểu từ thời cổ đại đến hiện đại. Nội dung môn học phân tích sâu sắc các yếu tố địa lý, kinh tế, chính trị và tôn giáo đã định hình nên diện mạo văn hóa của các khu vực trọng điểm như Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa và phương Tây. Sinh viên được bồi dưỡng tư duy lịch sử đa chiều, khả năng đánh giá sự giao thoa, tiếp biến văn hóa toàn cầu qua các thời kỳ phát triển của loài người. Môn học tạo nền tảng kiến thức nền vững chắc để người học hiểu rõ bối cảnh phát triển của các ngôn ngữ, hỗ trợ quá trình phân tích văn học quốc tế và nâng cao chất lượng hoạt động giao tiếp liên văn hóa.

(44) Văn hóa văn minh các nước nói tiếng Anh (2 tín chỉ)

Học phần Đất nước và Văn hóa các nước nói tiếng Anh cung cấp cái nhìn toàn diện về điều kiện tự nhiên, lịch sử, hệ thống chính trị, kinh tế và những đặc trưng văn hóa cốt lõi của các quốc gia Anh ngữ tiêu biểu. Nội dung môn học đi sâu tìm hiểu phong tục tập quán, giá trị xã hội, hệ thống giáo dục và nghệ thuật của Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Úc, Canada và New Zealand. Sinh viên được rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng so sánh đa văn hóa và nâng cao năng lực đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ. Môn học giúp người học hiểu rõ sự đa dạng toàn cầu, tránh những cú sốc văn hóa và xây dựng năng lực ứng xử hiệu quả trong môi trường giao tiếp quốc tế, tạo lợi thế lớn cho công tác biên phiên dịch và ngoại giao văn hóa.

(45) Đất nước học Anh Mỹ (2 tín chỉ)

Học phần Đất nước học Anh Mỹ đi sâu phân tích bối cảnh lịch sử, thể chế chính trị, địa lý nhân văn và các trào lưu văn hóa, xã hội đặc thù của Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Nội dung môn học làm rõ sự khác biệt trong hệ tư tưởng, lối sống, các vấn đề thời sự nổi cộm và giá trị bản sắc của hai quốc gia có tầm ảnh hưởng toàn cầu này. Sinh viên được nâng cao hiểu biết thực tiễn thông qua việc phân tích các tài liệu gốc, báo chí và phương tiện truyền thông đại chúng. Môn học bồi dưỡng năng lực nghiên cứu độc lập, giúp sinh viên giải mã các hiện tượng văn hóa ẩn chứa sau các văn bản tiếng Anh, phục vụ đắc lực cho công tác biên phiên dịch chuyên sâu, nghiên cứu quốc tế và giảng dạy ngôn ngữ.

(46) Văn học Anh (3 tín chỉ)

Học phần Văn học Anh đánh giá giá trị nghệ thuật và ý nghĩa lịch sử của các tác phẩm văn học Anh ngữ xuất sắc qua các thời kỳ tiêu biểu. Môn học cung cấp hệ thống kiến thức về các tác gia vĩ đại, các trào lưu văn học đặc trưng và bối cảnh chính trị, xã hội đã định hình nên diện mạo nền văn học Anh. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản văn chương, phân tích các biện pháp tu từ, hình tượng nhân vật và cấu trúc tác phẩm. Khóa học bồi dưỡng năng lực cảm thụ thẩm mỹ, tư duy phê bình văn học sắc bén và sự thấu cảm sâu sắc đối với các nền văn hóa đa dạng. Kiến thức từ học phần góp phần làm phong phú tâm hồn, bồi đắp vốn sống và nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ tinh tế, có chiều sâu cho người học.

(47) Biên dịch chuyên ngành (3 tín chỉ)

Học phần **Biên dịch chuyên ngành** trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng biên dịch Anh – Việt và Việt – Anh đối với các văn bản thuộc nhiều lĩnh vực chuyên ngành như thương mại, du lịch, y tế, pháp lý, tài chính và truyền thông. Học phần tập trung vào việc phân tích đặc điểm ngôn ngữ, phong cách văn bản, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật chuyên dịch, lựa chọn phương án dịch phù hợp và hiệu đính bản dịch theo yêu cầu của từng lĩnh vực. Thông qua các bài tập thực hành, dự án dịch thuật và hoạt động phản biện, sinh viên được rèn luyện khả năng tra cứu, sử dụng nguồn tài liệu tham khảo, công cụ hỗ trợ dịch (CAT tools và các ứng dụng AI), kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, đồng thời nâng cao tính chính xác, nhất quán và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động dịch thuật.

(48) Phiên dịch chuyên ngành (3 tín chỉ)

Học phần **Phiên dịch chuyên ngành** trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng phiên dịch Anh – Việt và Việt – Anh trong các lĩnh vực chuyên ngành như thương mại, du lịch, y tế, pháp lý, tài chính và truyền thông. Học phần tập trung rèn luyện các kỹ thuật phiên dịch nối tiếp (consecutive interpreting), ghi chép phiên dịch (note-taking), phân tích ngữ cảnh, xử lý thuật ngữ chuyên ngành, ghi nhớ thông tin và diễn đạt chính xác, lưu loát nội dung từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Thông qua các tình huống mô phỏng, hoạt động đóng vai, thực hành phiên dịch trong hội họp, đàm phán, hội thảo và giao tiếp nghề nghiệp, sinh viên được phát triển khả năng phản xạ ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống, làm việc dưới áp lực thời gian và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của phiên dịch viên. Học phần đồng thời khuyến khích người học khai thác hiệu quả các nguồn tài liệu và công cụ công nghệ hỗ trợ phiên dịch, góp phần hình thành năng lực phiên dịch chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

(49) Tiếng Anh Y khoa (3 tín chỉ)

Học phần **Tiếng Anh Y khoa** trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe. Học phần tập trung phát triển vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, cấu trúc ngôn ngữ và các

mẫu giao tiếp thường gặp trong môi trường bệnh viện, phòng khám và các cơ sở y tế. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các tình huống thực tiễn như tiếp nhận bệnh nhân, khai thác bệnh sử, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe, trao đổi thông tin giữa nhân viên y tế và người bệnh, đọc hiểu hồ sơ bệnh án, tài liệu chuyên môn và viết các văn bản giao tiếp cơ bản trong lĩnh vực y tế. Bên cạnh đó, học phần giúp người học nâng cao hiểu biết về văn hóa giao tiếp trong môi trường y tế quốc tế, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và bảo mật thông tin, đồng thời phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ học tập, nghiên cứu và làm việc trong các cơ sở y tế, tổ chức quốc tế và môi trường đa văn hóa.

(50) Biên – Phiên dịch Tiếng Anh Y tế (3 tín chỉ)

Học phần **Biên - Phiên dịch Tiếng Anh Y tế** trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng biên dịch, phiên dịch Anh – Việt và Việt – Anh trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe. Học phần tập trung vào việc sử dụng chính xác thuật ngữ y khoa, phân tích đặc điểm ngôn ngữ chuyên ngành, vận dụng các kỹ thuật biên dịch và phiên dịch trong các tình huống như tiếp nhận và tư vấn bệnh nhân, trao đổi chuyên môn giữa nhân viên y tế, hội thảo khoa học, dịch hồ sơ bệnh án, hướng dẫn sử dụng thuốc, tài liệu y học và các văn bản liên quan đến chăm sóc sức khỏe. Thông qua các hoạt động thực hành, mô phỏng tình huống nghề nghiệp và dự án dịch thuật, sinh viên được rèn luyện kỹ năng tra cứu thuật ngữ, sử dụng các công cụ hỗ trợ dịch (CAT tools và các ứng dụng AI), kỹ năng ghi chép, phản xạ ngôn ngữ, xử lý thông tin nhanh và bảo đảm tính chính xác, nhất quán trong quá trình chuyển ngữ. Đồng thời, học phần bồi dưỡng ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, nguyên tắc bảo mật thông tin người bệnh và chuẩn mực nghề nghiệp của biên, phiên dịch viên trong lĩnh vực y tế, đáp ứng yêu cầu làm việc tại các cơ sở y tế, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và môi trường đa văn hóa.

(51) Giao tiếp Tiếng Anh Y tế (3 tín chỉ)

Học phần **Giao tiếp Tiếng Anh Y tế** trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường y tế và chăm sóc sức khỏe. Học phần tập trung phát triển năng lực sử dụng thuật ngữ y khoa, mẫu câu giao tiếp

chuyên ngành và các chiến lược giao tiếp hiệu quả trong các tình huống thực tiễn như tiếp đón bệnh nhân, khai thác bệnh sử, hướng dẫn điều trị, tư vấn sức khỏe, trao đổi giữa nhân viên y tế với người bệnh và người nhà, cũng như giao tiếp trong các hoạt động hội chẩn, hội nghị và hợp tác quốc tế. Thông qua các hoạt động thực hành, đóng vai, mô phỏng tình huống và thảo luận nhóm, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, phản xạ ngôn ngữ, xử lý tình huống và giao tiếp liên văn hóa trong môi trường y tế đa quốc gia. Đồng thời, học phần góp phần hình thành tác phong giao tiếp chuyên nghiệp, ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, nguyên tắc bảo mật thông tin người bệnh và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở y tế, tổ chức quốc tế và môi trường hội nhập.

(52) Tổng quan Tiếng Anh du lịch (3 tín chỉ)

Học phần **Tổng quan Tiếng Anh Du lịch** trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành du lịch và hệ thống thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành, đồng thời phát triển năng lực giao tiếp trong các bối cảnh hoạt động của ngành du lịch và dịch vụ. Học phần tập trung vào các nội dung như tổng quan về ngành du lịch, các loại hình du lịch, điểm đến, lễ hành, lưu trú, vận chuyển, nhà hàng – khách sạn, chăm sóc khách hàng và tổ chức chương trình du lịch. Thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, thảo luận nhóm, đóng vai và mô phỏng tình huống nghề nghiệp, sinh viên được rèn luyện kỹ năng giới thiệu điểm đến, tư vấn chương trình du lịch, giao tiếp với khách quốc tế, xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động lễ hành và dịch vụ du lịch. Đồng thời, học phần giúp người học nâng cao hiểu biết về văn hóa, giao tiếp liên văn hóa, tác phong nghề nghiệp và chuẩn mực phục vụ khách du lịch quốc tế, tạo nền tảng để tiếp tục học các học phần tiếng Anh chuyên ngành du lịch ở trình độ cao hơn và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực du lịch, khách sạn và dịch vụ quốc tế.

(53) Tiếng Anh Nhà hàng – Khách sạn (3 tín chỉ)

Học phần **Tiếng Anh Nhà hàng – Khách sạn** trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn và dịch vụ lưu trú theo tiêu chuẩn quốc tế. Học phần tập trung phát triển vốn từ vựng, thuật

ngữ chuyên ngành, mẫu câu giao tiếp và kỹ năng xử lý tình huống trong các hoạt động như đặt phòng, làm thủ tục nhận và trả phòng, đặt bàn, phục vụ ăn uống, chăm sóc khách hàng, giải đáp thắc mắc, xử lý khiếu nại và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khách lưu trú. Thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, đóng vai và mô phỏng tình huống nghề nghiệp, sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, làm việc nhóm và giải quyết các tình huống phát sinh trong môi trường dịch vụ đa văn hóa. Đồng thời, học phần giúp người học nâng cao hiểu biết về văn hóa phục vụ, tiêu chuẩn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực nhà hàng – khách sạn, góp phần phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đáp ứng yêu cầu làm việc tại các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, doanh nghiệp dịch vụ và các tổ chức du lịch trong nước và quốc tế.

(54) Tiếng Anh Lữ hành (3 tín chỉ)

Học phần **Tiếng Anh Nhà hàng – Khách sạn** trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn và dịch vụ lưu trú theo tiêu chuẩn quốc tế. Học phần tập trung phát triển vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, mẫu câu giao tiếp và kỹ năng xử lý tình huống trong các hoạt động như đặt phòng, làm thủ tục nhận và trả phòng, đặt bàn, phục vụ ăn uống, chăm sóc khách hàng, giải đáp thắc mắc, xử lý khiếu nại và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khách lưu trú. Thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, đóng vai và mô phỏng tình huống nghề nghiệp, sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, làm việc nhóm và giải quyết các tình huống phát sinh trong môi trường dịch vụ đa văn hóa. Đồng thời, học phần giúp người học nâng cao hiểu biết về văn hóa phục vụ, tiêu chuẩn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực nhà hàng – khách sạn, góp phần phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đáp ứng yêu cầu làm việc tại các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, doanh nghiệp dịch vụ và các tổ chức du lịch trong nước và quốc tế.

(55) Tiếng Anh thương mại (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh thương mại đào tạo kỹ năng thảo luận và đàm phán hiệu quả bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh quốc tế năng động, chuyên nghiệp. Môn học trang bị vốn từ vựng, thuật ngữ kinh tế cốt lõi và các kỹ năng giao

tiếp thiết yếu như gọi điện thoại công việc, chủ trì cuộc họp, thuyết trình dự án và thương lượng hợp đồng. Sinh viên được hướng dẫn chi tiết phương pháp soạn thảo thư tín thương mại, báo cáo kinh doanh và phân tích các trường hợp nghiên cứu thực tế từ các doanh nghiệp toàn cầu. Khóa học rèn luyện tư duy kinh tế nhạy bén, tác phong làm việc chuẩn mực và khả năng thích ứng linh hoạt. Nhờ đó, sinh viên được tạo đà bứt phá vững chắc khi tham gia vào thị trường lao động đa quốc gia, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu.

(56) Tiếng Anh quản trị kinh doanh (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh quản trị kinh doanh trang bị cho sinh viên vốn từ vựng, hệ thống thuật ngữ và các cấu trúc câu tiếng Anh chuyên biệt được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực quản trị điều hành doanh nghiệp. Nội dung môn học rèn luyện kỹ năng đọc hiểu tài liệu quản trị học, viết báo cáo phân tích hoạt động kinh doanh, soạn thảo email công việc và thuyết trình dự án bằng tiếng Anh. Sinh viên được thực hành phân tích các tình huống nghiên cứu thực tế (case study) về phong cách lãnh đạo, quản lý nhân sự, chuỗi cung ứng và hoạch định chiến lược. Học phần giúp nâng cao năng lực giao tiếp chuyên nghiệp, tư duy quản lý hiện đại, đáp ứng yêu cầu khắt khe của môi trường kinh doanh toàn cầu hóa và đa văn hóa.

(57) Tiếng Anh tài chính (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh tài chính cung cấp hệ thống thuật ngữ chuyên môn và các khái niệm cốt lõi bằng tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán và quản trị ngân hàng. Nội dung môn học tập trung rèn luyện khả năng đọc hiểu báo cáo tài chính doanh nghiệp, bản tin phân tích thị trường chứng khoán và các văn bản đánh giá rủi ro đầu tư. Sinh viên được thực hành viết báo cáo chuyên ngành, thuyết trình về số liệu kế toán và tham gia thảo luận các vấn đề tài chính quốc tế. Học phần bồi dưỡng sự nhạy bén ngôn ngữ kết hợp với tư duy phân tích số liệu, hỗ trợ đắc lực cho sinh viên tự tin giao tiếp và làm việc tại các tổ chức tín dụng, công ty kiểm toán và tập đoàn tài chính đa quốc gia.

(58) Tiếng Anh pháp lý (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh pháp lý giới thiệu vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp đặc thù và phong cách hành văn trang trọng, chính xác tuyệt đối của ngôn ngữ pháp lý bằng tiếng Anh. Nội dung môn học hướng dẫn sinh viên kỹ năng đọc hiểu, dịch thuật các văn bản quy phạm pháp luật, hợp đồng thương mại quốc tế, phán quyết của tòa án và các công ước đa phương. Sinh viên được luyện tập thực hành soạn thảo các điều khoản hợp đồng cơ bản, cung cấp tư vấn pháp lý sơ bộ và thảo luận về các vấn đề luật pháp bằng tiếng Anh. Môn học rèn luyện tư duy logic chặt chẽ, sự cẩn trọng tối đa trong việc sử dụng ngôn từ, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao hỗ trợ công tác pháp chế tại các doanh nghiệp và hãng luật quốc tế.

(59) Tiếng Anh Truyền thông Y tế và Sức khỏe (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh truyền thông y tế và sức khỏe trang bị vốn từ vựng và kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để tổ chức và thực hiện các chiến dịch truyền thông giáo dục sức khỏe cộng đồng bằng tiếng Anh. Nội dung môn học hướng dẫn phương pháp viết thông cáo báo chí, bài báo phổ biến kiến thức y khoa, thiết kế nội dung tờ rơi và kịch bản video truyền thông y tế chuyên nghiệp. Sinh viên được thực hành kỹ năng diễn đạt các thông tin y học học thuật phức tạp thành ngôn ngữ đại chúng dễ hiểu, thân thiện với người dân. Môn học rèn luyện khả năng sáng tạo nội dung, tư duy truyền thông chiến lược, phục vụ trực tiếp cho công tác quan hệ công chúng tại các bệnh viện, phòng khám và tổ chức chăm sóc sức khỏe quốc tế.

(60) Tiếng Anh Dược học và Y tế công cộng (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh dược học và y tế công cộng cung cấp hệ thống thuật ngữ chuyên sâu và cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh đặc thù trong lĩnh vực dược phẩm, bào chế thuốc và quản lý y tế công cộng. Nội dung môn học tập trung rèn luyện kỹ năng đọc hiểu nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng, báo cáo dịch tễ học và các văn bản quy phạm pháp luật về sức khỏe cộng đồng. Sinh viên được luyện tập viết các báo cáo nghiên cứu dược lý, thuyết trình về chính sách y tế và biện pháp phòng chống dịch bệnh toàn cầu. Môn học giúp nâng cao năng lực xử lý tài liệu chuyên ngành nhanh chóng, chính xác, hỗ trợ đắc lực cho sinh viên chuẩn bị làm việc tại các công ty dược phẩm, viện nghiên cứu và tổ chức y tế phi chính phủ.

(61) Giao tiếp đa văn hóa trong môi trường y tế (3 tín chỉ)

Học phần Giao tiếp đa văn hóa trong môi trường y tế phân tích những khác biệt sâu sắc về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng ảnh hưởng đến quan niệm về sức khỏe, bệnh tật và thói quen khám chữa bệnh của bệnh nhân. Nội dung môn học rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thấu cảm, tránh các định kiến rập khuôn và giải quyết hiệu quả xung đột khi tương tác với bệnh nhân, nhân viên y tế đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Sinh viên được thực hành sắm vai xử lý các tình huống đạo đức y khoa nhạy cảm mang yếu tố xuyên văn hóa. Học phần bồi dưỡng thái độ tôn trọng sự đa dạng, nâng cao tính chuyên nghiệp và sự tinh tế trong giao tiếp cho đội ngũ biên phiên dịch y tế tương lai.

(62) Tiếng Anh Du lịch (3 tín chỉ)

Học phần **Tiếng Anh Du lịch** trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực du lịch, lữ hành và dịch vụ, đáp ứng yêu cầu giao tiếp và làm việc trong môi trường quốc tế. Học phần tập trung phát triển vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, các mẫu câu giao tiếp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề như tổ chức tour, hướng dẫn du lịch, đặt dịch vụ, lưu trú, vận chuyển, chăm sóc khách hàng, quảng bá điểm đến và xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động du lịch. Thông qua các hoạt động thực hành, đóng vai, mô phỏng tình huống nghề nghiệp, thuyết trình và thực hiện dự án, sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp với khách quốc tế, giới thiệu văn hóa và điểm đến, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và giao tiếp liên văn hóa. Đồng thời, học phần giúp người học nâng cao hiểu biết về văn hóa, lịch sử, địa lý và tài nguyên du lịch, hình thành tác phong phục vụ chuyên nghiệp, ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để làm việc tại các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, trung tâm xúc tiến du lịch và các tổ chức trong nước và quốc tế.

(63) Tiếng Anh quản trị điểm đến và văn hóa bản địa (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh quản trị điểm đến và văn hóa bản địa mở rộng năng lực sử dụng tiếng Anh trong công tác quản lý, quy hoạch phát triển điểm đến và khai thác các giá trị văn hóa bản địa phục vụ du lịch. Nội dung môn học tập trung rèn luyện kỹ năng đọc hiểu các dự án quy hoạch du lịch, viết đề án bảo tồn di sản và

thuyết trình về tiềm năng phát triển của địa phương bằng tiếng Anh. Sinh viên được thực hành thảo luận về các giải pháp kết nối cộng đồng, nâng cao trải nghiệm du khách thông qua việc tôn vinh các yếu tố bản sắc. Môn học bồi dưỡng tư duy chiến lược, đáp ứng yêu cầu quản lý du lịch bền vững và phát huy vai trò đại sứ văn hóa của sinh viên trong ngành du lịch quốc tế.

(64) Tiếng Anh truyền thông và tiếp thị du lịch số (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh truyền thông và tiếp thị du lịch số phát triển kỹ năng viết nội dung, thiết kế thông điệp truyền thông và tiếp thị sản phẩm du lịch trên các nền tảng kỹ thuật số bằng tiếng Anh. Nội dung môn học hướng dẫn sinh viên cách viết bài PR, quản trị nội dung fanpage, sáng tạo kịch bản video quảng bá và tương tác giải đáp khách hàng trên mạng xã hội. Sinh viên được thực hành phân tích các xu hướng du lịch trực tuyến, sử dụng ngôn ngữ chuẩn SEO và lập kế hoạch digital marketing cơ bản cho một chiến dịch du lịch. Môn học rèn luyện tư duy nhạy bén với công nghệ, phục vụ đắc lực cho công tác xúc tiến du lịch và tiếp thị điểm đến trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

(65) Tiếng Anh du lịch bền vững và sinh thái (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh du lịch bền vững và sinh thái cung cấp hệ thống thuật ngữ và kiến thức tiếng Anh chuyên ngành về du lịch sinh thái, du lịch trách nhiệm và bảo vệ môi trường tự nhiên. Nội dung môn học rèn luyện kỹ năng đọc hiểu các báo cáo tác động môi trường, viết tài liệu giáo dục nâng cao nhận thức cho du khách và thảo luận về các mô hình du lịch xanh trên thế giới. Sinh viên được thực hành phân tích các thách thức của biến đổi khí hậu đối với ngành du lịch và đề xuất giải pháp phát triển bền vững bằng tiếng Anh. Môn học nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội, định hướng tư duy sinh thái để sinh viên trở thành những nhân tố tích cực trong việc xây dựng ngành du lịch hiện đại, thân thiện với môi trường.

2.6.4 Các học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp

(66) Thực tập tốt nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần Thực tập tốt nghiệp là giai đoạn đào tạo thực tiễn quan trọng, giúp sinh viên thâm nhập trực tiếp vào môi trường làm việc tại các tổ chức, doanh

ng nghiệp hoặc cơ sở giáo dục phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Nội dung học phần yêu cầu sinh viên vận dụng toàn diện các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và chuyên môn đã tích lũy vào việc thực hiện các nhiệm vụ thực tế như biên phiên dịch, giảng dạy, hành chính văn phòng hoặc truyền thông. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ quản lý tại cơ sở thực tập, sinh viên được rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng thích ứng, kỹ năng giải quyết vấn đề và đạo đức nghề nghiệp. Học phần giúp sinh viên đúc kết kinh nghiệm quý báu, tạo bước đệm vững chắc trước khi chính thức hội nhập thị trường lao động

(67) Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học cuối khóa, đánh giá toàn diện năng lực nghiên cứu độc lập, kỹ năng tổng hợp và vận dụng kiến thức chuyên ngành Ngôn ngữ Anh để giải quyết một vấn đề khoa học hoặc thực tiễn. Nội dung học phần yêu cầu sinh viên thực hiện quy trình từ việc lựa chọn đề tài, lập đề cương chi tiết, thu thập tài liệu, phân tích dữ liệu đến hoàn thiện báo cáo nghiên cứu dưới sự giám sát, hướng dẫn của giảng viên chuyên môn. Sinh viên phải thể hiện trình độ lý luận sâu sắc, kỹ năng viết học thuật chuẩn mực và khả năng bảo vệ thành công kết quả nghiên cứu trước hội đồng đánh giá. Đây là học phần quan trọng đánh dấu sự trưởng thành và hoàn thiện về năng lực học thuật, nghề nghiệp của sinh viên trước khi tốt nghiệp.

(68) Thực hành tiếng (Nghe, nói, đọc, viết) (4 tín chỉ)

Học phần Thực hành tiếng (Nghe, nói, đọc, viết) tổng ôn và nâng cao cường độ thực hành bốn kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh nhằm củng cố vững chắc năng lực giao tiếp toàn diện của sinh viên trước khi tốt nghiệp. Nội dung môn học tập trung nhận diện và giải quyết các điểm yếu còn tồn đọng trong kỹ năng nghe hiểu tốc độ cao, nói trôi chảy phản xạ, đọc hiểu tài liệu chuyên môn phức tạp và viết văn bản chuyên nghiệp. Sinh viên được tham gia các hoạt động mô phỏng tình huống công việc thực tế, thảo luận chuyên sâu và làm các bài kiểm tra đánh giá năng lực theo cấu trúc chuẩn quốc tế. Học phần đóng vai trò hệ thống hóa kiến thức, đảm bảo sinh viên tự tin đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khắt khe của chương trình đào tạo cử nhân.

(69) Lý thuyết tiếng (Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) (3 tín chỉ)

Học phần Lý thuyết tiếng (Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) hệ thống hóa và củng cố chuyên sâu toàn bộ khối kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học tiếng Anh bao gồm hệ thống âm vị, cấu trúc cú pháp và từ vựng học. Nội dung môn học rèn luyện khả năng phân tích, giải thích các hiện tượng ngôn ngữ phức tạp, đồng thời vận dụng lý thuyết vào việc chỉnh sửa lỗi sai ngữ pháp, tối ưu hóa phong cách hành văn và cải thiện phát âm. Sinh viên được luyện tập giải quyết các dạng bài tập phân tích ngôn ngữ nâng cao, phục vụ trực tiếp cho công tác biên phiên dịch chuyên nghiệp và nghiên cứu ngôn ngữ học. Học phần tạo nền tảng lý luận vững chắc, hỗ trợ sinh viên vượt qua các kỳ thi năng lực chuyên môn và trang bị kiến thức phục vụ công tác giảng dạy sau này.

(70) Đồ án dịch thuật và biên tập tài liệu y sinh (4 tín chỉ)

Học phần Đồ án dịch thuật và biên tập tài liệu y sinh yêu cầu sinh viên thực thi một dự án dịch thuật và hiệu đính hoàn chỉnh quy mô lớn đối với các tài liệu y sinh học, được phẩm hoặc hồ sơ bệnh án chuyên sâu. Nội dung môn học đòi hỏi sinh viên tự lập kế hoạch quản lý dự án, phân bổ thời gian hợp lý, quản lý hệ thống thuật ngữ, tiến hành dịch thuật, tổ chức hiệu đính chéo và báo cáo kết quả cuối cùng. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ dịch thuật (CAT tools), đảm bảo độ chính xác tuyệt đối về thuật ngữ và văn phong khoa học. Học phần đánh giá khả năng làm việc độc lập, kỹ năng giải quyết vấn đề và sự sẵn sàng tham gia vào thị trường dịch thuật y tế chuyên nghiệp.

(71) Thực hành tiếng Anh y tế (3 tín chỉ)

Học phần Thực hành tiếng Anh y tế củng cố và nâng cao năng lực ứng dụng tiếng Anh y khoa trong các môi trường chăm sóc sức khỏe và nghiên cứu y sinh thực tế. Nội dung môn học tập trung vào các bài tập tình huống mô phỏng cường độ cao, yêu cầu sinh viên xử lý nhanh nhạy các ca biên phiên dịch lâm sàng, viết báo cáo y khoa chuẩn xác và tương tác hiệu quả với các chuyên gia y tế nước ngoài. Sinh viên được rèn luyện tính chính xác tuyệt đối, kỹ năng chịu áp lực cao và khả năng làm việc phối hợp trong nhóm đa ngành. Môn học đóng vai trò tổng

kiểm tra và hoàn thiện các kỹ năng chuyên môn cốt lõi, chuẩn bị tâm thế vững vàng trước khi sinh viên chính thức gia nhập đội ngũ nhân sự hỗ trợ y tế quốc tế.

(72) Đồ án thiết kế và vận hành sản phẩm du lịch (4 tín chỉ)

Học phần Đồ án thiết kế và vận hành sản phẩm du lịch là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và năng lực nghề nghiệp để thiết kế, xây dựng và triển khai một sản phẩm du lịch hoàn chỉnh bằng tiếng Anh. Học phần tập trung vào các nội dung như khảo sát và phân tích nhu cầu thị trường, nghiên cứu tài nguyên du lịch, xây dựng chương trình tour, thiết kế lịch trình, dự toán chi phí, lập kế hoạch vận hành, xây dựng chiến lược truyền thông và quảng bá sản phẩm du lịch, đồng thời ứng dụng công nghệ số và các công cụ truyền thông hiện đại trong quá trình thiết kế và quản lý sản phẩm. Thông qua hoạt động theo dự án, làm việc nhóm, mô phỏng tình huống nghề nghiệp và báo cáo trước hội đồng, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, lập kế hoạch, giao tiếp, thuyết trình, giải quyết vấn đề và phối hợp trong môi trường làm việc chuyên nghiệp. Kết thúc học phần, sinh viên hoàn thành sản phẩm du lịch và báo cáo đồ án bằng tiếng Anh, thể hiện khả năng tích hợp kiến thức chuyên ngành, tư duy sáng tạo, năng lực sử dụng ngoại ngữ và khả năng đáp ứng yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch, lữ hành và dịch vụ quốc tế.

(73) Thực hành tiếng Anh du lịch (3 tín chỉ)

Học phần Thực hành tiếng Anh du lịch hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành thông qua các hoạt động thực hành chuyên sâu và mô phỏng môi trường làm việc thực tế tại các điểm đến du lịch, khách sạn và nhà hàng cao cấp. Nội dung môn học yêu cầu sinh viên áp dụng tiếng Anh để xử lý các tình huống giao tiếp phức tạp, giải quyết khiếu nại của khách hàng, hướng dẫn đoàn khách tham quan và điều hành các dịch vụ liên quan một cách lưu loát, chuyên nghiệp. Sinh viên được đánh giá về phản xạ ngôn ngữ nhanh nhạy, phong thái phục vụ chuẩn mực và kiến thức văn hóa dịch vụ quốc tế. Môn học đảm bảo sinh viên sở hữu năng lực giao tiếp vượt trội, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tuyển dụng khắt khe của ngành công nghiệp du lịch toàn cầu.

3. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1 Đối sánh chuẩn đầu ra (Bảng 9)

Bảng 9. Bảng đối sánh chuẩn đầu ra

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh (Trường ĐH Intracom)	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh (Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN)	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh (Trường Đại học Hà Nội)	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành B.A. Programme in English (Mae Fah Luang University (Thái Lan))	Nhận xét
1	PLO1: Vận dụng hệ thống tri thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và phương pháp nghiên cứu khoa học vào công việc và đời sống. + PPC K1.1: Vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào nhận thức và thực tiễn xã hội. + PPC K1.2: Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản để giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực khoa học xã hội hoặc ngôn ngữ từ bước lập đề cương đến bước triển khai.	Khối kiến thức chung bắt buộc gồm Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.	KT1: Vận dụng thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống và nghề nghiệp. MT2: Có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học phục vụ việc nghiên cứu.	PLO 1: Áp dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết thách thức đương đại. PLO 6: Sử dụng tài nguyên học thuật để sản xuất kiến thức tương ứng và phát triển kỹ năng tự học.	NHẬN ĐỊNH: Khối kiến thức lý luận chính trị và phương pháp nghiên cứu khoa học là bắt buộc đối với các chương trình đại học tại Việt Nam (ULIS, HANU, Intracom) nhằm đáp ứng đúng quy chuẩn của Bộ GD&ĐT. Chương trình quốc tế MFU không tách riêng triết học chính trị mà tích hợp trực tiếp vào năng lực giải quyết vấn đề đương đại (PLO 1). ĐIỂM KHÁC BIỆT: Intracom cấu trúc rõ ràng thành 2 chỉ số thực thi (PPC K1.1 và K1.2) bám sát cả lý thuyết chính trị lẫn quy trình nghiên cứu thực tế.
2	PLO2: Phân tích các hiện tượng ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và các đặc trưng văn hóa, xã hội của các nước nói tiếng Anh trong bối cảnh giao tiếp liên văn hóa. + PPC K2.1: Phân tích cấu trúc, quy luật hoạt động của ngôn ngữ Anh ở các bình diện	Kiến thức nhóm ngành bắt buộc gồm Ngôn ngữ học tiếng Anh 1 & 2 (ngữ âm, âm vị, ngữ nghĩa, ngữ pháp), Đất nước học Anh-Mỹ và Giao tiếp liên văn hóa. Tự chọn: Ngữ dụng học, Văn học các nước nói tiếng Anh.	KT3: Trình bày kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ dụng), văn học, văn hóa Anh, giao tiếp liên văn hóa.	PLO 2: Khảo sát các yếu tố lịch sử, văn hóa xã hội, môi trường và chính trị ảnh hưởng đến việc sản xuất và sử dụng văn bản, truyền thông bằng tiếng Anh.	NHẬN ĐỊNH: Cả 4 chương trình đào tạo đều tập trung mạnh vào khối ngôn ngữ học cốt lõi (linguistics core) và văn hóa các nước nói tiếng Anh. ĐIỂM SÁNG CỦA INTRACOM: PPC K2.1 đưa trực tiếp yếu tố 'đối chiếu với tiếng Việt' vào chuẩn đầu ra,

	ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trên cơ sở đối chiếu với tiếng Việt. + PPC K2.2: Giải thích các đặc trưng văn hóa, văn học và xã hội của Anh - Mỹ thông qua việc so sánh với bối cảnh Việt Nam để ứng dụng vào dịch thuật và giao tiếp.				giúp định hình năng lực tư duy ngôn ngữ song hành ngay từ giai đoạn cơ sở, hỗ trợ cực tốt cho định hướng biên phiên dịch thực tế.
3	PLO3: Vận dụng các nguyên lý biên phiên dịch và lý thuyết chuyên ngành phụ trợ để giải quyết các vấn đề chuyên môn. + PPC K3.1: Ứng dụng các lý thuyết, quy trình và kỹ thuật cơ bản vào thực tiễn hoạt động biên dịch và phiên dịch. + PPC K3.2: Phân tích các đặc điểm ngôn ngữ và thuật ngữ thuộc các lĩnh vực chuyên ngành hẹp (thương mại, du lịch, y tế, tài chính, pháp lý...) nhằm phục vụ công tác chuyên môn.	Kiến thức chuyên ngành: Sinh viên định hướng Phiên dịch nắm vững lý thuyết dịch và ứng dụng vào nghiệp vụ biên phiên dịch thực tế. Các định hướng khác gồm Quản trị học, Ngôn ngữ học ứng dụng, Quốc tế học.	KT4: Thể hiện hiểu biết cơ bản về lý luận và thực tiễn dịch thuật; quan điểm, nguyên tắc và phương pháp giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ.	PLO 1: Áp dụng kiến thức ngôn ngữ, văn học và phương pháp giảng dạy tiếng Anh để giải quyết các thách thức chuyên môn.	NHẬN ĐỊNH: Trái với ULIS (chia làm 4 định hướng hẹp) và HANU/MFU (tập trung vào dịch thuật kết hợp sư phạm), Intracom lựa chọn mô hình đào tạo định hướng ứng dụng đa dạng (PPC K3.2). Sinh viên được phân tích thuật ngữ chuyên ngành hẹp trải dài từ thương mại, du lịch đến y tế, tài chính, pháp lý.
4	PLO4: Sử dụng tiếng Anh đạt bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương C1) trong giao tiếp và chuyên môn. + PPC S1.1: Diễn giải chính xác nội dung các văn bản học thuật và văn bản chuyên ngành phức tạp thông qua kỹ năng tiếp nhận (nghe và đọc) ở tốc độ tự nhiên. + PPC S1.2: Trình bày thông tin một cách lưu loát, chặt chẽ và chính xác bằng hình thức nói và viết trong các tình huống giao tiếp xã hội và công việc.	Đạt trình độ tiếng Anh bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam thông qua chuỗi học phần Tiếng Anh 1A-4C.	KN2: Giao tiếp hiệu quả khẩu ngữ, bút ngữ và thông qua các phương tiện truyền thông bằng tiếng Anh tối thiểu ở bậc 5 theo KNLNN 6 bậc.	PLO 3: Giao tiếp hiệu quả bằng văn viết và văn nói tiếng Anh trong nhiều bối cảnh cá nhân, xã hội và chuyên nghiệp.	NHẬN ĐỊNH: Việc yêu cầu năng lực tiếng Anh đạt bậc 5/6 (C1) là chuẩn chung bắt buộc đối với tất cả các chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh tại Việt Nam. ĐIỂM MẠNH: Cách diễn đạt PPC S1.1 và S1.2 của Intracom phân rõ rất rõ ràng theo hai nhóm kỹ năng tiếp nhận (Receptive skills - nghe, đọc) và kỹ năng tạo sản (Productive skills - nói, viết), giúp thiết kế công cụ đánh giá năng lực một cách độc lập và chính xác.

5	PLO5: Thực hành các nghiệp vụ biên phiên dịch Anh Việt/Việt Anh và các kỹ năng nghề nghiệp hỗ trợ phù hợp với môi trường làm việc thực tế. + PPC S2.1: Thực hiện quy trình biên dịch và phiên dịch các văn bản, lời nói thuộc nhiều chủ đề thông dụng và chuyên môn với độ chính xác cao. + PPC S2.2: Áp dụng các kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành (tương ứng với mô-đun Thương mại, Du lịch, Y tế...) vào việc giải quyết các nhiệm vụ thực tế tại doanh nghiệp.	Kỹ năng chuyên môn thực hiện biên dịch, phiên dịch trong môi trường trong nước và quốc tế, mở rộng các kỹ năng thực tế lễ hành, trợ lý đối ngoại.	KN5: Biên và phiên dịch các loại diễn ngôn Anh - Việt, Việt - Anh và thực hiện các công việc chuyên môn trong lĩnh vực thương mại và giảng dạy.	PLO 4: Sản xuất các văn bản học thuật, sáng tạo và chuyên nghiệp bằng tiếng Anh đáp ứng nhiều mục đích, đối tượng độc giả và bối cảnh.	NHẬN ĐỊNH: Mức độ thực hành nghiệp vụ biên phiên dịch của Intracom có tính ứng dụng rất cao. Khác với MFU chú trọng vào viết học thuật sáng tạo (PLO 4), Intracom tập trung trực tiếp vào tác vụ thực nghề tại doanh nghiệp (PPC S2.2). ĐIỂM SÁNG: Việc tích hợp mô-đun ứng dụng Y tế, Du lịch, Thương mại giúp sinh viên Intracom có phổ vị trí việc làm rất rộng ngay sau khi tốt nghiệp. ĐỀ XUẤT: Giữ vững và liên tục cập nhật các dự án giả định (simulation) trong quá trình giảng dạy để duy trì lợi thế thực chiến này.
6	PLO6: Vận dụng ngoại ngữ hai (đạt tối thiểu bậc 3) và công nghệ thông tin cơ bản trong môi trường giao tiếp và công việc thực tế. + PPC S3.1: Sử dụng ngoại ngữ 2 (Trung/Nhật/Hàn) trong các tình huống giao tiếp thường nhật ở mức độ tương đương bậc 3 (B1). + PPC S3.2: Ứng dụng các phần mềm tin học văn phòng và công cụ kỹ thuật số vào quy trình xử lý văn bản, tìm kiếm và quản lý thông tin.	Đạt trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu bậc 3/6. Sử dụng thành thạo công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn và lưu trữ thông tin trên máy tính.	KN6: Sử dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. KN7: Sử dụng một ngoại ngữ 2 ở bậc 3.	PLO 6: Sử dụng công nghệ số và tài nguyên học thuật để sản xuất kiến thức liên quan và phát triển kỹ năng tự học.	NHẬN ĐỊNH: Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ 2 (Bậc 3) và kỹ năng tin học văn phòng là chuẩn mực chung của hệ thống giáo dục Việt Nam (như HANU, ULIS). ĐIỂM KHÁC BIỆT: MFU (PLO 6) nhấn mạnh việc dùng công nghệ số để 'sản xuất kiến thức' và tự học.
7	PLO7: Tổ chức các hoạt động tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, quản lý, lãnh đạo nhóm và phân công nhiệm vụ.	KN1: Thực hành tư duy phản biện, phân tích và giải quyết vấn đề chuyên môn. KN4: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và nhóm, dẫn dắt chuyên môn.	PLO 5: Phát biểu phê bình văn bản, ý tưởng và quan điểm sử dụng lập luận chặt chẽ và nhất quán. PLO 7: Cộng tác hiệu quả với người khác.	NHẬN ĐỊNH: Tư duy phản biện và làm việc nhóm là nhóm kỹ năng thế kỷ 21 cốt lõi xuất hiện ở cả 4 chương trình đào tạo. MFU (PLO 5) nhấn mạnh khía cạnh học thuật phê bình

	+ PPC S4.1: Đánh giá thông tin đa chiều nhằm xây dựng lập luận logic trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh của công việc và nghiên cứu. + PPC S4.2: Thiết lập quy trình làm việc độc lập và phối hợp nhóm hiệu quả với các bên liên quan.				văn bản lý thuyết sâu sắc. Trong khi đó, Intracom thiết kế chuẩn đầu ra hướng mạnh vào kỹ năng điều phối, quản trị dự án thực tiễn (PPC S4.2).
8	PLO8: Tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật nhằm đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng. + PPC A1.1: Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (đặc biệt tính liêm chính trong dịch thuật), nội quy tổ chức và quy định pháp luật gắn với trách nhiệm cộng đồng. + PPC A1.2: Xác định được các tình huống vi phạm đạo đức nghề nghiệp (xung đột lợi ích, thiên lệch, tiết lộ thông tin, đạo văn) trong học tập/thực tập theo quy trình.	Đảm bảo tính liêm chính, công bằng, vô tư trong biên phiên dịch, trung thành với văn bản gốc. Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng.	KT4: Quy tắc đạo đức nghề nghiệp biên phiên dịch. TCTN2: Trách nhiệm với bản thân, xã hội và môi trường.	PLO 7: Hành động đạo đức và trách nhiệm, cộng tác với người khác và đối xử với họ bằng sự tôn trọng để nuôi dưỡng sự bền vững.	NHẬN ĐỊNH: Đạo đức dịch thuật (translation integrity) và bảo mật dữ liệu là phẩm chất sống còn của cử nhân ngôn ngữ. ĐIỂM SÁNG CỦA INTRACOM: PPC A1.2 quy định rất thực tế về năng lực 'nhận diện và phòng tránh' các tình huống sai phạm cụ thể (đạo văn, xung đột lợi ích, bảo mật thông tin). Đây là chuẩn đầu ra mang tính thực hành cao, không chỉ dừng ở phát biểu đạo đức chung chung, tương đồng với chuẩn kiểm soát của ULIS.
9	PLO9: Lập kế hoạch tự đánh giá năng lực, quản lý thời gian và tự định hướng học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc. + PPC A2.1: Thiết lập kế hoạch quản lý thời gian và nguồn lực dựa trên kết quả tự đánh giá năng lực bản thân nhằm cải tiến cách làm việc, học tập và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc.	Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	TCTN1: Thể hiện khả năng học tập suốt đời, năng lực tự định hướng và thích nghi môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa.	PLO 6: Phát triển kỹ năng tự học. PLO 8: Thực hiện nhiệm vụ với sự tự tin, chuyên nghiệp và chủ động thúc đẩy đổi mới sáng tạo.	NHẬN ĐỊNH: Khả năng tự học và đổi mới sáng tạo (innovation) là chìa khóa để tồn tại trong kỷ nguyên số hóa và trí tuệ nhân tạo. Sự đồng bộ giữa Intracom (PPC A2.2) và MFU (PLO 8) về khía cạnh 'chủ động thúc đẩy đổi mới sáng tạo' là một điểm cộng lớn.

	+ PPC A2.2: Ứng dụng các kiến thức và công nghệ mới nhằm đổi mới sáng tạo và thích ứng nhanh với môi trường làm việc đa văn hóa.				
--	--	--	--	--	--

3.2 Đối sánh chương trình đào tạo

3.2.1 Đối sánh các chương trình đào tạo (Bảng 10)

Bảng 10. Bảng đối sánh các chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh (Trường ĐH Intracom)	CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh (Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN)	CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh (Trường Đại học Hà Nội)	CTĐT ngành B.A. Programme in English (Mae Fah Luang University (Thái Lan))	Nhận xét
Tổng số tín chỉ và Thời gian đào tạo	128 tín chỉ (Dự kiến 3 - 4 năm).	128 tín chỉ (Phân bổ trong 4 năm đào tạo). Không tính điểm các học phần Giáo dục Thể chất và QP-AN.	132 tín chỉ (Phân bổ trong 4 năm học chính quy).	123 tín chỉ (4 năm theo chuẩn hệ thống tích lũy tín chỉ của các trường đại học Thái Lan).	Nhận định: Cấu trúc tín chỉ của Đại học Intracom (137 TC) dồi dào hơn so với chuẩn 120 TC của quốc tế (MFU) và 128 TC của ULIS. Khung tín chỉ này tập trung phân bổ vào các học phần kỹ năng thực hành và mô-đun chuyên ngành ứng dụng thực nghề sâu, giúp sinh viên có số giờ thực hành tương tác vượt trội tại lớp học.
Khối kiến thức Giáo dục đại cương	23 tín chỉ. Điểm nhấn hiện đại hóa: Ứng dụng công nghệ số & AI, Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số, Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở (đạt chuẩn năng lực số thời đại mới).	16 tín chỉ (không tính GDTC và GDQP-AN). Bao gồm các môn lý luận chính trị chung bắt buộc và học phần Ngoại ngữ 2 đạt tối thiểu bậc 3.	Bao gồm các môn bắt buộc chung của Bộ GD&ĐT về Lý luận chính trị, Tin học văn phòng (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT) và Ngoại ngữ 2.	24 tín chỉ cho khối General Education Course (GE) nhằm trang bị kiến thức nền tảng nhân văn xã hội và bồi dưỡng kỹ năng thích thích thay đổi toàn cầu.	Nhận định: Cả ba chương trình đào tạo trong nước (Intracom, ULIS, HANU) đều tuân thủ chặt chẽ quy định bắt buộc của Bộ GD&ĐT Việt Nam về các học phần lý luận chính trị xã hội. Điểm bút phá của Intracom nằm ở việc hiện đại hóa rõ môn đại cương: đưa 'Năng lực số' và 'Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số' vào nhóm tự chọn bắt buộc, đồng thời tinh giản các môn

					toán đại cương ít liên quan để dồn trọng tâm vào năng lực thích ứng số thời đại mới.
Khối kiến thức Cơ sở ngành	73 tín chỉ. Bao gồm chuỗi 11 học phần thực hành Kỹ năng tiếng tích hợp từ mức độ 1 đến 4, Lý thuyết tiếng cơ bản, Ngôn ngữ học đối chiếu.	Gồm khối ngành (10 TC) và nhóm ngành (57 TC). Nhấn mạnh các môn Ngôn ngữ học tiếng Anh 1 & 2 (ngữ âm, âm vị, ngữ nghĩa, ngữ pháp), Đất nước học Anh-Mỹ và thực hành tiếng từ 1A đến 4C (39 TC).	Tập trung vào Ngôn ngữ học tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ dụng), Việt ngữ học, văn hóa Việt Nam và thực hành kỹ năng tiếng Anh chuyên sâu đạt trình độ tối thiểu C1.	36 tín chỉ Professional Core Courses tập trung tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ chuyên nghiệp và nền tảng nhân văn học sâu sắc.	Nhận định: Khối kiến thức cơ sở ngành của Intracom có cấu trúc rất đồ sộ (73 TC), phản ánh sự đầu tư nghiêm túc và dài hơi vào chuỗi học phần rèn luyện kỹ năng tiếng (Nghe, Nói, Đọc, Viết) từ căn bản đến nâng cao. Khác với cách tiếp cận học thuật chuyên sâu lý thuyết của HANU và ULIS (tập trung nhiều vào lý thuyết ngôn ngữ học phức tạp), Intracom dồn trọng tâm vào thực hành tương tác trực tiếp để người học đạt chuẩn đầu ra C1 một cách tự nhiên và thực chất nhất.
Khối kiến thức Chuyên ngành (Phân bổ tín chỉ)	31 tín chỉ (Bao gồm 26 TC bắt buộc chuyên ngành và 5 TC tự chọn chuyên ngành).	36 tín chỉ (Bao gồm 18 TC bắt buộc định hướng chuyên ngành, 9 TC tự chọn chuyên ngành và 9 TC khối tốt nghiệp).	Phân bổ khoảng 30 - 35 tín chỉ cho các học phần nghiệp vụ chuyên ngành biên phiên dịch hoặc phương pháp giảng dạy tiếng Anh.	57 tín chỉ chuyên ngành (Bao gồm 30 TC bắt buộc chuyên ngành - Major Required và 27 TC tự chọn chuyên ngành - Major Elective).	Nhận định: Việc Intracom dành 31 TC cho khối chuyên ngành bảo đảm tính cân đối khoa học, tạo không gian lớn cho sinh viên tích lũy các học phần nghiệp vụ ngành đọc thực chiến. Khối lượng này tinh gọn và linh hoạt hơn so với mô hình phân nhánh sâu của MFU (57 TC) giúp sinh viên không bị quá tải lý thuyết chuyên ngành.
Các định hướng chuyên ngành đào tạo	Thiết kế 3 phân nhánh chuyên ngành hẹp định hướng ứng dụng thực tế (Biên phiên dịch Y tế, Biên phiên dịch Du lịch, Biên phiên dịch Thương mại).	Cung cấp 4 định hướng chuyên ngành lớn: Quản trị học (vận hành hành chính văn phòng), Phiên dịch học thuật, Ngôn ngữ học ứng dụng, và Quốc tế học.	Tập trung đào tạo 2 chuyên ngành truyền thống cốt lõi: Biên phiên dịch (Translation & Interpretation) và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (sư phạm ngoại ngữ/TESOL).	Tích hợp sâu 3 định hướng học thuật chính: Ngôn ngữ học chuyên sâu (Linguistics), Nghiên cứu văn học Anh ngữ (Literature) và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (English Language Teaching).	Nhận định: Có sự khác biệt cực kỳ rõ nét trong tư duy phát triển chuyên ngành. Trong khi ULIS và HANU duy trì định hướng học thuật lớn truyền thống (Ngôn ngữ học ứng dụng, Quốc tế học, Biên phiên dịch vĩ mô, Sư phạm TESOL) và MFU thiên về nghiên cứu văn

					học/giảng dạy, Đại học Intracom lựa chọn hướng đi tiên phong, bám sát nhu cầu thực tế của thị trường ngách (Niche Market). Bằng việc phân nhánh thành các chuyên ngành hẹp có tính ứng dụng cao như Biên phiên dịch Y tế (Healthcare English) và Biên phiên dịch Du lịch (Tourism English), Intracom giải quyết trực tiếp bài toán thiếu hụt nhân sự dịch thuật chuyên môn sâu tại Việt Nam. Định hướng Y tế của Intracom là điểm sáng độc nhất, cung cấp các học phần cực kỳ thực tế như dịch bệnh án lâm sàng, thông cáo y tế, giúp sinh viên có lợi thế cạnh tranh tuyệt đối tại các tổ chức phi chính phủ (NGOs), bệnh viện quốc tế và tập đoàn được phẩm đa quốc gia.
Thực tập và Tốt nghiệp	Tổng cộng 10 tín chỉ: Thực tập tốt nghiệp (3 TC) + Khóa luận tốt nghiệp (7 TC) hoặc Đồ án/Môn học thay thế tốt nghiệp chuyên ngành (7 TC).	Tổng cộng 9 tín chỉ: Thực tập nghiệp vụ tại doanh nghiệp (3 TC) + Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế tốt nghiệp (6 TC).	Học viên tham gia thực tập tốt nghiệp thực địa tại doanh nghiệp, nộp báo cáo tốt nghiệp hoặc tham gia viết Khóa luận tốt nghiệp cuối khóa.	Tích hợp các học phần thực tập chuyên nghiệp (internship/cooperative education) trực tiếp vào chương trình đào tạo.	Nhận định: Tương đồng với ULIS (9 TC), Intracom dành dung lượng 10 TC cho khối tốt nghiệp. Điểm sáng đột phá của Intracom là việc đa dạng hóa lộ trình thay thế Khóa luận tốt nghiệp bằng các môn đồ án chuyên nghiệp mang tính thực tiễn cao (như Đồ án dịch thuật và biên tập tài liệu y sinh (4 TC), Đồ án thiết kế và vận hành sản phẩm du lịch (4 TC)). Cơ chế này loại bỏ áp lực nghiên cứu hàn lâm thuần túy, định hướng sinh viên trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm dịch thuật hoặc vận hành có giá trị sử dụng thực tế cho doanh nghiệp.

4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bộ đề cương học phần của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được ban hành kèm theo chương trình đào tạo này.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Việc xây dựng, ban hành và vận hành Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Intracom được căn cứ vào các hệ thống văn bản sau:

A. Văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và Bộ Giáo dục & Đào tạo

- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

B. Văn bản quy định nội bộ của Trường Đại học Intracom

- Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom.
- Tài liệu "Hướng dẫn xây dựng Chương trình đào tạo tại Đại học Intracom theo định hướng Outcome-based Education (OBE)".
- Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo tín chỉ, Quy định về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá hiện hành của Trường Đại học Intracom.

C. Các tài liệu khoa học và tài liệu tham khảo đối sánh

4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

- Spady, W. G. (1994). Outcome-Based Education: Critical Issues and Answers. American Association of School Administrators.
- Anderson, L. W., & Krathwohl, D. R. (2001). A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom's Taxonomy of Educational Objectives.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÓ TK PHỤ TRÁCH

(Ký tên)



TS. Dương Thị Hiền